



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM
PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN ANNUAL REPORT 2009



PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOINT STOCK COMPANY

Head Office:

4th Floor, Petrovietnam, 1-5 Le Duan Street,
Ben Nghe Ward, District 1, HCMC, Vietnam
Tel: (84) 8 - 39100 108 - Fax: (84) 8 - 39100 097
Email: info@southerngas.com.vn
Website: www.southerngas.com.vn





MỤC LỤC

Thư Chúc Mừng Của Chủ tịch HĐQT Tập Đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam	4
Thư Ngỏ	6
Giới Thiệu Công Ty	10
Sơ Đồ Tổ Chức	12
Bộ Máy Tổ Chức	13
Kết Quả Sản Xuất Kinh Doanh Năm 2009	14
Báo Cáo Kiểm Toán 2009	16
Định Hướng Phát Triển 2010	60
CNG-Sản Phẩm Mới Của PVGas South	62
Các Hoạt Động Xã Hội	64
Công Ty Thành Viên CNG Việt Nam	66

CONTENTS

8	Open Letter
11	Introduction
12	Organization Structure
13	Company Structure
15	Results Of Production And Business Activities In 2009
38	Audited Financial Statements For 2009
61	Direction For 2010
63	CNG-New Product Of PVGas South
65	Events
66	Member Company - CNG Vietnam
67	Branches



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM

Số 18 đường Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại: (84-4) 38252526 * Fax: (84-4) 38265942
Website: www.petrovietnam.com.vn



THƯ CHÚC MỪNG

Kính gửi: Tập thể Lãnh đạo và Cán bộ công nhân viên
Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam

Thay mặt Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, tôi xin gửi tới tập thể lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (PVGas South) những lời chúc mừng tốt đẹp nhất nhân dịp PVGas South tròn 10 tuổi và được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Tập Đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Tổng công ty Khí Việt Nam; tập thể Lãnh đạo và Cán bộ công nhân viên PVGas South đã dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu, đoàn kết nhất trí, chung sức, chung lòng vì sự phát triển của PVGas South nói riêng, của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Tổng công ty Khí Việt Nam nói chung; Đội ngũ Cán bộ công nhân viên PVGas South ngày càng trưởng thành, lớn mạnh, đầy nhiệt huyết và luôn có quyết tâm cao trong việc thực hiện tốt các nhiệm vụ được các cổ đông của PVGas South giao phó. Kết quả đạt được của PVGas South sau 10 năm hình thành và phát triển đã đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của một đơn vị được thành lập từ một Xí nghiệp trực thuộc PV Gas từ năm 2000, với số vốn ban đầu chỉ có trên 10 tỷ đồng, 16 cán bộ công nhân viên, mức sản lượng kinh doanh chỉ 5.000 tấn/năm và doanh thu 15 tỷ đồng/năm; sau quá trình chuyển đổi mô hình hoạt động, đến nay, Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam đã đi vào hoạt động ổn định, trở thành một trong những Công ty kinh doanh Khí hóa lỏng hàng đầu tại Việt Nam, thương hiệu **PETROVIETNAM GAS** đã được khẳng định và có uy tín cao đối với các đối tác kinh doanh người tiêu dùng; PVGas South đã xây dựng được hệ thống cơ sở hạ tầng và mạng lưới kinh doanh mạnh, phủ khắp các tỉnh, thành từ Miền Trung đến Cà Mau; với tổng giá trị tài sản hiện nay đạt trên 1.230 tỷ đồng và giá trị vốn hóa trên thị trường đạt trên 400 tỷ đồng, tăng trên 40 lần so với năm 2000; sản lượng kinh doanh hàng năm đạt hơn 150.000 tấn LPG/ năm tăng gấp hơn 30 lần so với năm 2000 và doanh thu đạt hơn 2000 tỷ/ năm, gấp hơn 130 lần năm 2000.

Bên cạnh kết quả sản xuất kinh doanh xuất sắc đã đạt được; tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên PVGas South đã đi đầu trong việc triển khai phát triển hệ thống trạm nén khí thiên nhiên sạch cung cấp cho phương tiện giao thông vận tải, góp phần thực hiện giảm thiểu ô nhiễm môi trường; chủ động thực hiện hiệu quả các giải pháp để tham gia thực hiện bình ổn giá khí hóa lỏng trên thị trường, góp phần cùng Tập đoàn và Chính phủ thực hiện kiềm chế lạm phát/ngăn chặn suy giảm kinh tế trong những tháng cuối năm 2008 và năm 2009;

Danh hiệu Huân chương Lao động hạng Ba cao quý mà PVGas South đón nhận trong dịp này không những là sự đánh giá cao của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và nhân dân cả nước đối với những đóng góp to lớn của tập thể Lãnh đạo và toàn thể Cán bộ công nhân viên PVGas South trong thời gian qua, mà còn khẳng định vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh LPG của PVGas South, góp phần cùng với Tập đoàn thực hiện mục tiêu "Petrovietnam là biểu tượng của niềm tự hào Việt Nam", gánh vác sứ mệnh lớn lao là "Đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia", đồng thời đóng góp cùng với Tập đoàn giữ vai trò đầu tàu kinh tế trong xây dựng và phát triển đất nước.



Ảnh: Đ/c Đinh La Thăng, UVTV, CTHĐQT Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba cho Lãnh đạo PVGas South

Thay mặt Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, tôi nhiệt liệt biểu dương, chúc mừng và ghi nhận những cố gắng và sự thành công hết sức to lớn mà Tập thể lãnh đạo và toàn thể Cán bộ công nhân viên PVGas South đã đóng góp trong thời gian qua.

Phát huy những thành tích đã đạt được, với những kinh nghiệm được tích lũy cùng với sức trẻ và truyền thống đoàn kết nhất trí của Tập thể lãnh đạo, Cán bộ công nhân viên PVGas South và thương hiệu **PETROVIETNAM GAS** đã được khẳng định; tôi tin tưởng rằng, trong năm 2010 và những năm tiếp, PVGas South

sẽ trở thành Công ty kinh doanh LPG đứng đầu ở Việt Nam trong các mặt như: có cơ sở hạ tầng hiện đại, sản lượng bán LPG, thị phần, giá trị vốn hóa, đội ngũ cán bộ đáp ứng mọi yêu cầu nhiệm vụ trong nền kinh tế hội nhập với chất lượng tốt, dịch vụ hoàn hảo, văn hóa và phong cách phục vụ chuyên nghiệp; đồng thời không ngừng chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động và quyền lợi chính đáng của các cổ đông; tích cực mở rộng hoạt động ra thị trường khu vực, phù hợp với sự tăng tốc phát triển của Tập đoàn trong điều kiện Việt Nam đang hội nhập sâu, rộng với cộng đồng quốc tế.

Về phần mình, Tập đoàn tiếp tục hỗ trợ tối đa để Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam phát triển nhanh, mạnh và vững chắc về mọi mặt và vững bước trên con đường phát triển.

Thay mặt Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tôi chúc tập thể Lãnh đạo và Cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tiếp tục gặt hái được nhiều thành công với hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn nữa trong những năm tiếp theo./.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2010

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đinh La Thăng





THƯ NGỎ

Năm 2009 vừa qua là một năm đầy thách thức đối với các doanh nghiệp trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Nhưng đó cũng là một năm để các doanh nghiệp tự kiểm nghiệm lại năng lực, vị thế của bản thân mình và cũng như đánh giá bản lĩnh của lãnh đạo công ty trong những thời điểm khó khăn nhất để chống chèo con thuyền vượt qua thác ghềnh.

Công ty cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (PVGas South) đã trải qua năm 2009 với quyết tâm rất cao; ngay từ đầu năm Đảng Ủy, HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc đã bàn bạc và quyết tâm biến thách thức thành cơ hội, chỉ đạo quyết liệt tăng tốc đầu tư kho chứa LPG, trạm chiết nạp LPG, trạm CNG ... tận dụng cơ hội giá vật tư thiết bị nhập khẩu trên thị trường thế giới đang thuận lợi; bám sát thị trường, mở rộng kinh doanh, quyết tâm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế do Đại hội cổ đông thông qua cho kế hoạch năm 2009.

Kết quả thực hiện kinh doanh năm 2009:

- Sản lượng LPG : 154.847 tấn, đạt 117 % KH;
- Doanh thu : 1.979 tỷ đồng, đạt 116 % KH;
- Lợi nhuận TT : 43,39 tỷ đồng, đạt 164 % KH;
- Nộp ngân sách : 6,99 tỷ đồng, đạt 140 % KH;
- Lãi cơ bản trên CP : 2.665 đ/CP; (26,65 %).

Về đầu tư xây dựng:

- Hoàn thành kho LPG Gò Dầu 4.000 tấn, hoạt động từ tháng 11-2009;
- Đã khởi công xây dựng kho LPG Dung Quất, Quảng Ngãi 1.500 tấn, dự kiến hoàn thành quý II/2010;
- Hoàn thành trạm nén mẹ CNG Mỹ Xuân, công suất 50 triệu m³/năm;

Về mạng lưới phân phối và bán lẻ:

- 18 trạm nạp LPG (trong đó sở hữu 6 trạm);
- 400 tổng đại lý, đại lý;
- 14 cửa hàng bán lẻ trực thuộc;



Ảnh: Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng trao tặng cờ thi đua năm 2009 cho công ty PVGas South tại Hà Nội

Năm 2009 được sự hỗ trợ của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam và Tổng Công ty Khí, PVGas South bắt đầu triển khai kinh doanh khí nén thiên nhiên (CNG), đây là một mặt hàng kinh doanh mới rất triển vọng trong thời gian tới của PVGas South.

Tháng 9-2009 PVGas South đã tiếp quản và mua lại 34% cổ phần của PVGas tại Công ty CP CNG Việt Nam.

Cổ phiếu của PVGas South với mã **PGS** trên sàn HNX luôn là mã cổ phiếu dẫn đầu trong các mã cổ phiếu của các công ty kinh doanh LPG trên thị trường Việt Nam. Thu nhập và đời sống của CBCNV ổn định và không ngừng được cải thiện.

Có được tất cả các thành công trên nhờ vào sự nỗ lực phấn đấu của tập thể CBCNV toàn Công ty, các chi nhánh; sự lãnh đạo quyết liệt của Lãnh đạo Công ty; sự giúp đỡ kịp thời của Tổng Công ty Khí Việt Nam, của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam; và đặc biệt là sự ủng hộ, tin tưởng của tất cả cổ đông, của khách hàng.

Kế hoạch năm 2010:

PVGas South bước sang năm 2010 với một tinh thần phấn khởi và một khí thế mạnh mẽ và tự tin của năm con Hổ.

Năm 2010 Công ty sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng kho LPG Dung Quất, Quảng Ngãi, có nghĩa là

Công ty đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ tăng tốc phát triển xây dựng hạ tầng cơ sở giai đoạn năm 2008-2010 theo Chiến lược phát triển của Công ty, kiện toàn mạng lưới phân phối và bán lẻ LPG phần đầu duy trì là Công ty kinh doanh LPG hàng đầu ở Việt Nam.

Năm 2010 Công ty sẽ đẩy mạnh phát triển kinh doanh mặt hàng CNG trong công nghiệp, GTVT, ứng dụng CNG thay thế dầu DO cho mạng lưới ô tô buýt thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó sẽ triển khai khai sang các vùng lân cận khác. Từ 2010 PVGas South sẽ tiên phong chuyển đổi toàn bộ xe của Công ty sử dụng CNG thay thế xăng dầu, và đây cũng là những chiếc xe đầu tiên chạy CNG ở Việt Nam, và đó cũng là niềm tự hào của thương hiệu Petrovietnam Gas – trong con tàu PETROVIETNAM anh hùng – luôn tiên phong và sáng tạo!

Năm 2010 PVGas South sẽ đánh giá lại toàn diện hoạt động của Công ty nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty (28-03-2000 – 28-03-2010), trên cơ sở đó sẽ rà soát, bổ sung chiến lược của Công ty đến năm 2015 và tầm nhìn đến 2025 để đưa Công ty PVGas South phát triển bền vững và vươn lên một tầm cao mới.

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty, PVGas South vinh dự được đón nhận **Huân Chương Lao Động hạng III** do Nhà nước trao tặng, đây là phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước, đồng thời cũng là niềm tự hào, vinh dự đối với mỗi thành viên của PVGas South!

Với vị thế mới, mỗi thành viên của PVGas South hãy cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao nhất, cùng tập thể và Lãnh đạo Công ty vượt qua mọi thử thách để tiếp tục gặt hái những thành công mới, xứng đáng với niềm tin của Lãnh đạo Tập đoàn, Tổng Công ty Khí Việt Nam; với sự tin tưởng của các cổ đông PGS và của các khách hàng.

Chào thân ái và quyết thắng !

TS.NGUYỄN SĨ THẮNG
Chủ tịch HĐQT PVGas South.

PVGas South

PVGas South

OPEN LETTER

Past year of 2009 was one full of challenge year to enterprises in background of global economic crisis. But that was a year of the enterprises testing their ability, position as well as assessing the company leader's leading skill and spirit in the most difficult time to lead the company overcome obstacle. Petrovietnam Southern Gas Company (PVGas South) went through in 2009 with high determination; as from early 2009, the Party Committee, the Board of Directors, Executive Board discussed and determined to consider challenge as a chance, speeding up investment in LPG storage, LPG filling station, CNG station...took advantage of favorable price of imported materials and equipment in the world market; followed up the market, expanded business, was determined to reach and exceed economic norms passed by General meeting of Shareholders for the plan of 2009.

Business results of 2009:

- Output of LPG : 154.847 tons reaching 117% of the plan
- Turnover : 1.979 billion VND reaching 116% of the plan
- Profit before tax : 43,39 billion VND reaching 164% of the plan
- Paying to the State budget : 6,99 billion VND reaching 140% of the plan
- Basic interest per share : 2.665 VND/ share; (26,65%)

About investment in construction:

- Completed LPG storage of Go Dau 4,000 tons, operated since Nov.2009
- Initiated construction of LPG storage of Dung Quat, Quang Ngai 1,500 tons, expected to be completed in 2nd quarter/2010;
- Completed mother station in My Xuan industrial zone, with capacity of 50 million m³/year;

About retail and distribution network:

- 18 LPG filling stations (owning 6 stations)
- 400 general agents, agents
- 14 affiliated retail outlets



Mr. Nguyen Si Thang - Chairman of PVGas South

In 2009, thanks to support given by Vietnam Oil and Gas Group, PVGas South started expansion of trade in CNG, this is PVGas South's promising new products for sales in future.

In Sept. 2009, PVGas South took over and repurchased 34% of shares of PVGas at CNG Vietnam Joint-Stock Company.

Share of PVGas South with code of PGS on floor of HNX is always a leading stock code among codes of LPG Trading Companies in Vietnam market. Income and living standard of the employees are stabilized and improved continuously.

Gaining the above proved successes thanks to efforts made by all employees of company, subsidiaries; close and active direction given by leaders of the company; timely support by Petrovietnam Gas Corporation, Vietnam Oil and Gas Group; and especially shareholders, customers; support and confidence.

Plan for 2010:

PVGas South enters year of 2010 with heartening spirit and strong impetus and confidence.

In 2010, the company shall complete and bring into use of LPG storage of Dung Quat, Quang Ngai, that means the company has fulfilled basically task of accelerating the development of infrastructure in period of 2008-2010 according to the company's strategy for the development. Strengthening LPG retail and distribution

network, to strive for maintaining its position as a leading LPG trading company in Vietnam.

In 2010, the company will forward the development of trade in CNG product in industry, communication and transport; application of using CNG in stead of DO for bus network in HCMC., on such basis, to expand such use to other neighboring areas. From 2010, PVGas South will be pioneer in converting all the company's vehicle for the use of CNG in stead of oil and petrol, and they will be first vehicles using CNG in Vietnam, and it will be pride of trade name of Petrovietnam Gas - of PETROVIETNAM with heroism being

always creative and vanguard!

In 2010, PVGas South will assess the company's activities on occasion of celebrating 10 years' establishment of the company (28 March 2000 - 28 March 2010), to have ground for checking and completing the company's strategy up to 2015 and line of vision up to 2025 in order to lift PVGas South to new high level and solid development.

On occasion of 10 years' the establishment of the company, PVGas South has the honour receipting the Grade III Labor Medal that awarded by the Government. This noble rewards given by the Party and State, at the same time, also pride, honor for each member of PVGas South!

At the new level, belief, each member of PVGas South will strive for fulfilling their duties with the highest sense of responsibilities, with all other employees and leaders of the company to overcome obstacle to gain new success, to deserve confidence of Leaders of Vietnam Oil and Gas Group, Petrovietnam Gas Corporation; as well as trust by shareholders of PGS and customers.

Best regards!

PhD NGUYEN SI THANG
Chairman

Giới Thiệu Công Ty

Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam là Xí nghiệp kinh doanh các sản phẩm Khí miền Nam trực thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Khí (PV Gas) được thành lập theo Quyết định số 389/QĐ-HĐQT ngày 28/03/2000 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam).

Ngày 12/04/2006, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam) ký quyết định số 825/QĐ-DKVN về việc thành lập Công ty Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (PVGas South) trên cơ sở xí nghiệp Kinh doanh các sản phẩm Khí miền Nam trực thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm khí (PV Gas) và Bộ phận Kinh doanh Khí hóa lỏng

của Công ty Thương mại Dầu Khí (Petechim). Ngày 30/06/2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ký Quyết định số 1679/QĐ-BCN về việc Cổ phần hóa PVGas South.

Ngày 23/07/2007, Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam tiến hành Đại hội cổ đông lần đầu.

Sau khi hoàn tất thủ tục pháp lý, Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 25/07/2007.

Ngày 15/11/2007, Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam đã chính thức niêm yết lên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã chứng khoán: PGS.



Ảnh: Lễ khánh thành Tổng kho LPG Gò Dầu



Ảnh: Lễ ký hợp đồng cung cấp khí CNG với Công ty TNHH Xây dựng Vật liệu Saint - Gobain

Ngành, nghề kinh doanh

Mua bán khí hóa lỏng, các sản phẩm khí và các vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và mua bán khí hóa lỏng (trừ mua bán Gas tại trụ sở Công ty).

Sản xuất, vận chuyển và phân phối sản phẩm khí nén thiên nhiên LPG, CNG.

Xây lắp, tư vấn đầu tư công trình khí hóa lỏng và công nghiệp khí, chuyển giao công nghệ, khai thác kinh doanh và bảo dưỡng các công trình liên quan đến khí hóa lỏng.

Vận chuyển khí hóa lỏng, các dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải.

Kinh doanh xăng dầu, nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng dầu, nhớt.

Mua bán phân bón, đạm; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; kinh doanh bất động sản.

Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Introduction

A Brief Introduction of the Establishment and Development

Petrovietnam Southern Gas Joint Stock Company (PVGas South) former named as Southern Gas Trading Enterprise, a subsidiary of Petrovietnam Gas Company, was established under Decision No, 389/QĐ-HĐQT dated 28/03/2000 of Vietnam Oil and Gas Corporation's Board of Management (currently Vietnam National Oil and Gas Group).

In 12/04/2006, Decision No. 825/QĐ-DKVN of Vietnam Oil and Gas Corporation's Board of Management (currently Vietnam National Oil and Gas Group) has been issued for establishment of Petrovietnam Southern Gas Company (PVGas South) after taking over Southern Gas Trading Enterprise subject to Petrovietnam Gas Company (PV Gas) and LPG Trading Division of

Petrovietnam Trading Company (Petechim). In 30/06/2006, Decision No. 1697/QĐ-BCN of Ministry of Industry has been issued for PVGas South equitization.

In 23/07/2007, PVGas South organized the first shareholder's conference.

After completing all of legal procedures, Petrovietnam Southern Gas Joint Stock Company has officially operated under new form since 25/07/2007.

In 15/11/2007, PVGas South officially listed on Hanoi Securities Trading Center. Security symbol : PGS.



Mr. Dinh La Thang, Chairman of PETROVIETNAM awards the Grade II Labor Medal to Mr Doan Van Nhuom, General Director of PVGas South.



Mr Le Minh Hong and Mr Do Van Hau Deputy General Director of Petrovietnam awards The Prime Minister's merit to PVGas South's leaders

Major functions:

Trading LPG, CNG gas products and equipments for LPG, CNG transportation, storage and cylinder filling.

LPG Assembly, investment consultancy and gas industry projects, technology transfer, LPG, CNG construction maintenance.

LPG, CNG transportation, related service and

gas products in industry, household user and transport.

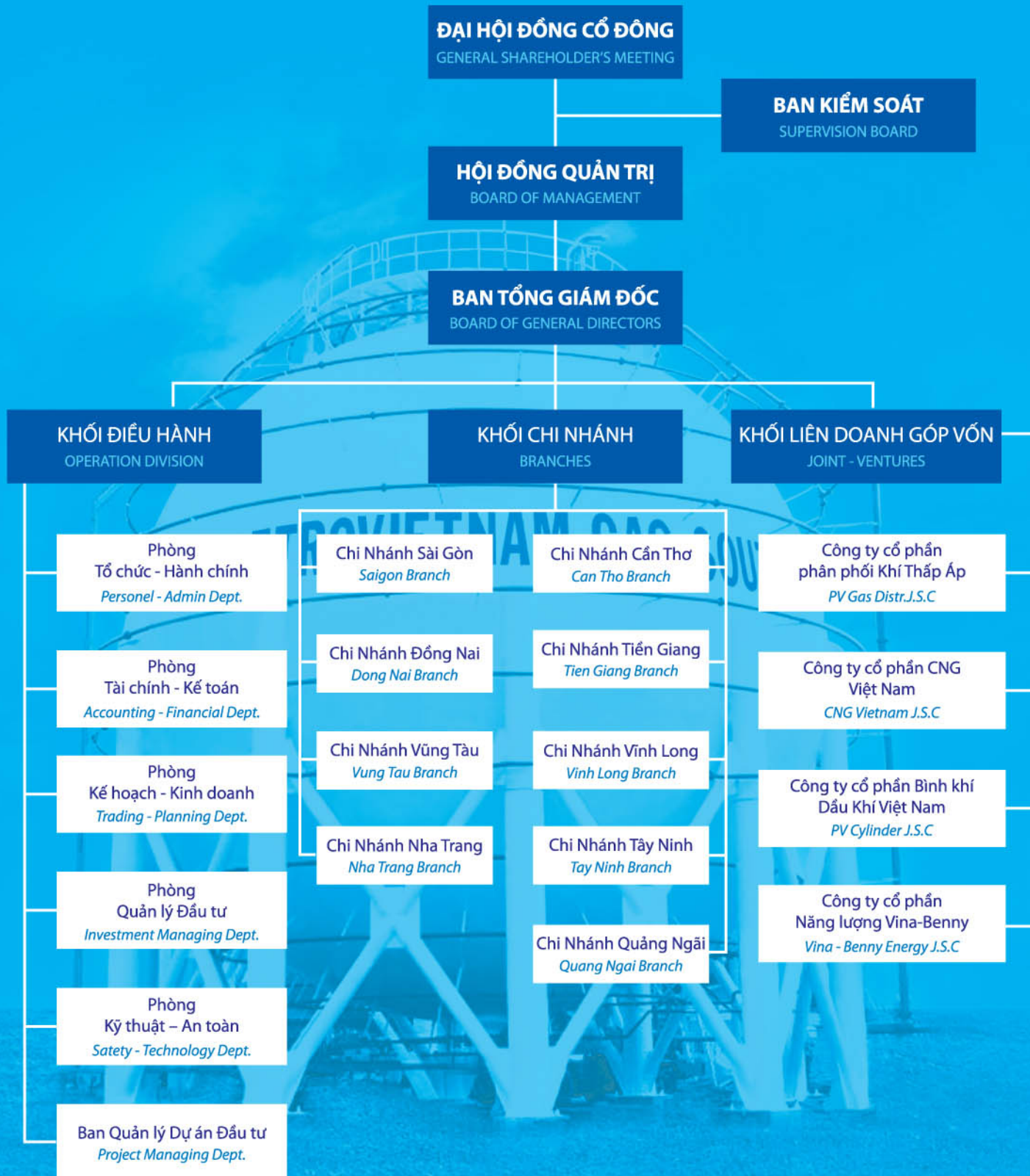
Trading oil, gasoline, related oil and gasoline additives.

Trading fertilizer; transporting, storing, and distributing goods; real estate activities.

Trading of other industries in conformity with law regulations.

Sơ Đồ Tổ Chức - Organization Structure

CÔNG TY PV GAS SOUTH NĂM 2010



Bộ Máy Tổ Chức Của Công Ty - Company Structure





Results Of Production And Business Activities In 2009



Kết Quả Sản Xuất Kinh Doanh Năm 2009:

Năm 2009, mặc dù thị trường LPG trong nước và trên thế giới có nhiều biến động, nhưng PVGas South đã thực hiện vượt mức nhiệm vụ kế hoạch được giao.

Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính đã đạt được năm 2009:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2009	THỰC HIỆN 2009	TH/KH 2009 (%)
I	Sản lượng				
1.	Khí hóa lỏng	Tấn	132.000	154.847	117
2.	CNG	m ³		2.912.150	
3.	Xăng dầu	Lít	2.700.000	4.992.661	185
4.	Nhớt	Lít	240.000	265.444	111
5.	Đạm	Tấn	20.000	7.031	35
II.	Doanh thu	Tỷ đồng	1.700	1.979	116
III.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	26,5	43,39	164
IV.	Nộp NSNN	Tỷ đồng	5	6,99	140

Although both domestic and foreign LPG markets have got many changes in 2009, PVGas South fulfilled and exceeded the assigned plans and tasks.

Some main targets of production and business obtained in 2009

SN	TARGETS	UNIT	PLANED IN 2009	DONE IN 2009	DONE/PLANED IN 2009 (%)
I	Productivity				
1.	Liquefied gas	Ton	132.000	154.847	117
2.	CNG	m ³		2.912.150	
3.	Petroleum	Liter	2.700.000	4.992.661	185
4.	Lubricant	Liter	240.000	265.444	111
5.	Fertilizer	Ton	20.000	7.031	35
II.	Revenue	Billion dong	1.700	1.979	116
III.	Before - tax profit	Billion dong	26,5	43,39	164
IV.	Payment to the State budget	Billion dong	5	6,99	140

Báo cáo kiểm toán 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM
Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Sỹ Thắng	Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Ủy viên
Ông Đỗ Tấn	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2009)
Bà Nguyễn Minh Ngọc	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2009)
Ông Hà Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Vũ Quý Hiệu	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc
Ông Hà Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Nghị	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc
Ngày 5 tháng 3 năm 2010

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Vietnam
Lầu 11, Trung tâm Thương mại Sài Gòn
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +(84-8) 3910 0751
Fax: +(84-8) 3910 0750
www.deloitte.com

Số: 117 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.


Trần Đình Nghị Hạ
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 8 tháng 3 năm 2010
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LÔNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		672.007.597.627	499.541.420.960
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	167.310.616.217	34.283.596.194
1. Tiền	111		147.113.838.438	34.283.596.194
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.196.777.779	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	-	193.113.367.650
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	193.113.367.650
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		390.201.814.809	240.191.364.846
1. Phải thu của khách hàng	131		376.301.306.672	184.068.157.605
2. Trả trước cho người bán	132		19.111.070.007	65.546.729.095
3. Các khoản phải thu khác	135		3.755.580.677	4.616.800.084
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(8.966.142.547)	(14.040.321.938)
IV. Hàng tồn kho	140	7	75.649.210.688	11.297.609.396
1. Hàng tồn kho	141		75.649.210.688	11.297.609.396
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.845.955.913	20.655.482.874
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.045.697.429	5.121.266.384
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.817.637.466	10.771.157.371
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		94.364.469	2.573.401.819
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.888.256.549	2.189.657.300
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		559.670.370.342	325.237.995.096
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		85.500.000	85.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		85.500.000	85.500.000
II. Tài sản cố định	220		313.895.717.620	109.959.817.752
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	273.327.375.616	82.831.749.172
- Nguyên giá	222		306.696.972.521	105.751.798.837
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.369.596.905)	(22.920.049.665)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		866.258.818	1.119.797.984
- Nguyên giá	225		1.521.235.000	1.521.235.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(654.976.182)	(401.437.016)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	11.475.044.588	10.615.247.090
- Nguyên giá	228		11.660.825.730	10.837.906.985
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(185.781.142)	(222.659.895)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	28.227.038.598	15.393.023.506
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		108.217.717.443	73.017.770.671
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	37.264.500.000	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	73.354.328.270	75.214.328.270
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(2.401.110.827)	(2.196.557.599)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		137.471.435.279	142.174.906.673
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	137.471.435.279	142.174.906.673
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.231.677.967.969	824.779.416.056

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LÔNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.038.078.698.524	660.213.526.776
I. Nợ ngắn hạn	310		799.972.944.162	293.023.246.693
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		29.973.442.913	287.256.000
2. Phải trả cho người bán	312		561.814.806.901	257.377.958.965
3. Người mua trả tiền trước	313		12.191.540.675	506.315.796
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1.776.232.253	189.184.389
5. Phải trả người lao động	315		10.026.161.976	4.453.740.262
6. Chi phí phải trả	316		5.222.542.049	2.847.181.962
7. Phải trả nội bộ	317	15	173.834.759.200	22.500.489.726
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	5.133.458.195	4.861.119.593
II. Nợ dài hạn	330		238.105.754.362	367.190.280.083
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	150.000.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	333	17	61.000.303.224	66.496.061.333
3. Vay và nợ dài hạn	334	18	177.105.451.138	150.694.218.750
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		193.599.269.445	164.565.889.280
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	192.243.640.092	163.518.443.904
1. Vốn điều lệ	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.067.984.108	4.070.631.057
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.860.010.782	2.035.315.529
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		30.315.645.202	7.412.497.318
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.355.629.353	1.047.445.376
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.355.629.353	1.047.445.376
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.231.677.967.969	824.779.416.056



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc
Ngày 5 tháng 3 năm 2010

(Handwritten signature)

Vũ Quý Hiệu
Kế toán trưởng

103
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TP. HCM

120
CHỖ CHỮ CỜ TRÁCH NHẬN ĐỀ LẬP VIẾT (TP. HCM)

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1.978.865.247.689	1.713.015.236.667
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.978.865.247.689	1.713.015.236.667
4. Giá vốn hàng bán	11		1.834.900.381.403	1.632.516.009.783
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		143.964.866.286	80.499.226.884
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	35.139.176.250	62.109.885.502
7. Chi phí tài chính	22	21	18.496.549.247	16.870.849.113
8. Chi phí bán hàng	24		101.566.760.900	68.517.405.051
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.380.839.324	11.247.486.617
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		46.659.893.065	45.973.371.605
11. Thu nhập khác	31		10.677.959.527	1.445.667.362
12. Chi phí khác	32		13.946.155.691	14.753.385.937
13. Lợi nhuận khác	40		(3.268.196.164)	(13.307.718.575)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.391.696.901	32.665.653.030
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	3.418.166.389	2.574.630.248
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39.973.530.512	30.091.022.782
17. Lãi trên cổ phiếu	70	24	2.665	2.006



Đoàn Văn Nhộm
Tổng Giám đốc
Ngày 5 tháng 3 năm 2010

Vũ Quý Hiệu
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

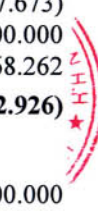
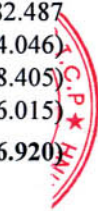
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	43.391.696.901	32.665.653.030
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.426.300.275	6.701.665.757
Các khoản dự phòng	03	(1.149.626.163)	13.121.922.919
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	284.056.470	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(22.550.818.863)	(60.909.017.031)
Chi phí lãi vay	06	12.615.531.243	12.185.779.855
3. Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động	08	45.017.139.863	3.766.004.530
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(164.798.782.912)	510.320.801
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(64.351.601.292)	14.739.002.077
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	291.447.239.204	(105.546.498.349)
Giảm chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	27.414.774.279	3.599.082.487
Tiền lãi vay đã trả	13	(12.170.195.517)	(10.439.264.046)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(542.135.867)	(7.000.168.405)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.863.150.347)	(3.589.306.015)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	118.153.287.411	(103.960.826.920)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(257.579.897.127)	(181.012.585.865)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	28.781.703.657	-
3. Tiền thu hồi từ các khoản tiền gửi ngắn hạn	24	193.113.367.650	6.886.632.350
4. Góp vốn vào đơn vị khác	25	(37.264.500.000)	(1.547.217.673)
5. Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.500.000.000
6. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	33.072.283.031	83.699.768.262
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(39.877.042.789)	(90.473.402.926)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	56.384.675.301	150.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(287.256.000)	(287.256.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.346.643.900)	(4.876.695.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	54.750.775.401	144.836.048.200
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	133.027.020.023	(49.598.181.646)
Tiền tồn đầu năm	60	34.283.596.194	83.881.777.840
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	167.310.616.217	34.283.596.194



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VNĐ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi xây dựng và mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 20.937.356.765 đồng là số tiền chi cho mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc
Ngày 5 tháng 3 năm 2010

Vũ Quý Hiệu
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007397 ngày 25 tháng 7 năm 2007 và sửa đổi lần 1 ngày 22 tháng 8 năm 2007 với vốn điều lệ là 150.000.000.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Công ty Mẹ của Công ty là Tổng Công ty Khí Việt Nam, nắm giữ 79,13% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 291 người (2008: 252 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Kinh doanh khí hóa lỏng và các sản phẩm dầu khí;
- Tổ chức hệ thống phân phối, vận chuyển, đóng bình khí hóa lỏng và các vật tư thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh vận tải đường bộ, đường thủy;
- Thiết kế, xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí, chuyển giao công nghệ, khai thác kinh doanh, bảo dưỡng các công trình dân dụng liên quan đến khí hóa lỏng;
- Cung cấp dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải;
- Xuất nhập khẩu khí hóa lỏng, các vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và kinh doanh khí hóa lỏng;
- Kinh doanh xăng dầu nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng, dầu, nhớt.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC qui định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ tăng 284.056.470 đồng và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm một khoản tương ứng. Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành, theo đó Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	6
Tài sản khác	3

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn. Cụ thể, đối với các phương tiện vận tải thuê tài chính, Công ty xác định thời gian khấu hao là 6 năm.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn, Công ty không trích khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư dài hạn*Đầu tư vào công ty liên kết:*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Các khoản đầu tư dài hạn khác:

Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được thực hiện theo các qui định hiện hành.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được

Giá trị còn lại của vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán khí hóa lỏng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu từ tiền đặt cọc vỏ bình gas được phân bổ vào thu nhập theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Số tiền đặt cọc còn lại chưa phân bổ vào doanh thu được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với hoạt động kinh doanh khí CNG, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN là 20% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế hai năm và giảm 50% cho sáu năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế. Năm 2009 là năm đầu tiên hoạt động kinh doanh khí CNG có thu nhập chịu thuế, Công ty được miễn thuế TNDN trên thu nhập chịu thuế này.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	1.779.275.655	1.221.236.008
Tiền gửi ngân hàng	144.732.179.733	33.004.858.214
Tiền đang chuyển	602.383.050	57.501.972
Các khoản tương đương tiền	20.196.777.779	-
	167.310.616.217	34.283.596.194

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LÔNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	-	190.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	3.113.367.650
	-	193.113.367.650

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Hàng mua đang đi đường	276.805.128	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.503.742.347	1.368.121.327
Công cụ, dụng cụ	132.636.105	286.217.064
Hàng hóa	73.690.395.055	9.643.271.005
Hàng gửi đi bán	45.632.053	-
	75.649.210.688	11.297.609.396
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	75.649.210.688	11.297.609.396

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2009	78.163.775.989	3.172.397.202	20.342.555.409	3.693.198.023	379.872.214	105.751.798.837
XDCB hoàn thành	187.250.132.318	22.637.543.356	-	-	-	209.887.675.674
Mua trong năm	-	8.600.568.180	3.996.763.142	275.500.611	1.115.031.104	13.987.863.037
Thanh lý, nhượng bán	(22.181.873.251)	-	-	(748.491.776)	-	(22.930.365.027)
Tại ngày 31/12/2009	243.232.035.056	34.410.508.738	24.339.318.551	3.220.206.858	1.494.903.318	306.696.972.521
KHẤU HAO LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2009	7.818.191.265	668.439.556	12.417.619.892	1.975.926.738	39.872.214	22.920.049.665
Trích trong năm	6.527.496.865	1.875.632.688	2.814.487.384	814.927.459	94.090.046	12.126.634.442
Thanh lý, nhượng bán	(937.500.003)	-	-	(739.587.199)	-	(1.677.087.202)
Tại ngày 31/12/2009	13.408.188.127	2.544.072.244	15.232.107.276	2.051.266.998	133.962.260	33.369.596.905
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2009	229.823.846.929	31.866.436.494	9.107.211.275	1.168.939.860	1.360.941.058	273.327.375.616
Tại ngày 31/12/2008	70.345.584.724	2.503.957.646	7.924.935.517	1.717.271.285	340.000.000	82.831.749.172

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LÔNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2009	10.627.670.980	210.236.005	10.837.906.985
Tăng trong năm	905.924.165	-	905.924.165
Thanh lý	-	(83.005.420)	(83.005.420)
Tại ngày 31/12/2009	11.533.595.145	127.230.585	11.660.825.730
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2009	17.675.000	204.984.895	222.659.895
Trích khấu hao trong năm	42.420.000	3.706.667	46.126.667
Thanh lý	-	(83.005.420)	(83.005.420)
Tại ngày 31/12/2009	60.095.000	125.686.142	185.781.142
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2009	11.473.500.145	1.544.443	11.475.044.588
Tại ngày 31/12/2008	10.609.995.980	5.251.110	10.615.247.090

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	15.393.023.506	15.439.360.913
Tăng thêm trong năm	222.721.690.766	62.329.179.221
Kết chuyển sang tài sản cố định	(209.887.675.674)	(62.311.352.956)
Giảm khác	-	(64.163.672)
Tại ngày 31 tháng 12	28.227.038.598	15.393.023.506

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Đầu tư vào các công ty liên kết	37.264.500.000	-
Phần lợi nhuận, cổ tức được chia đã nhận	-	-
	37.264.500.000	-

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần hữu %	Tỷ lệ quyền sở hữu năm giữ %	Số tiền đầu tư tại 31/12/2009 VNĐ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	Long An	20,83	20,83	14.400.000.000	Cho thuê kho LPG
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Bà Rịa-Vũng Tàu	34,02	34,02	22.864.500.000	Sản xuất, kinh doanh khí CNG, LNG...

Theo Quyết định góp vốn số 01/QĐ-KMN ngày 24 tháng 3 năm 2009, tổng số vốn Công ty cam kết góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny là 50 tỷ đồng theo tiến độ thời gian là 3 năm.

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được chuyển nhượng từ Tổng Công ty Khí Việt Nam (Công ty mẹ của Công ty) theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 2 tháng 11 năm 2009.

1030
CÔNG
CỔ PHẦN
KINH DOANH
KHÍ HÓA
LÔNG MIỀN
NAM
TP. HCM

S.Đ. KH. 0112
CHI
CỔ PHẦN
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
VIỆT
NAM
(TP. HCM)
QUẬN 1 TP.

7397-C
CÔNG TY
ANH
LÔNG
AM
CHI NH.

31/2-C
CÔNG TY
KHÍ HÓA
LÔNG MIỀN
NAM
(HỒ)
CHI NH.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Nhà máy Sản xuất Bình khí PetroVietnam	(i) 17.254.328.270	17.254.328.270
Công ty Cổ phần phân phối Khí thấp áp	(ii) 56.100.000.000	56.100.000.000
Công ty Cổ phần Kho cảng Thị Vải	(iii) -	1.860.000.000
	<u>73.354.328.270</u>	<u>75.214.328.270</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(2.401.110.827)	(2.196.557.599)
	<u>70.953.217.443</u>	<u>73.017.770.671</u>

- (i) Phản ánh khoản đầu tư góp vốn với Công ty Cổ phần Dịch vụ - Du lịch dầu khí và Tổng Công ty Cổ phần Tài chính dầu khí để thành lập Nhà máy Sản xuất Bình khí PetroVietnam theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 36/HĐHTKD/SETCO-PVGAS-PVFC ngày 14 tháng 3 năm 2003. Số vốn của Công ty góp Nhà máy Sản xuất Bình khí PetroVietnam chiếm 20% tổng số vốn góp của hợp đồng hợp tác kinh doanh này.
- (ii) Phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam (PVGAS D). Khoản đầu tư này chiếm 17% vốn điều lệ của PVGAS D.
- (iii) Công ty Cổ phần Kho Cảng Thị Vải đã bị giải thể trong năm 2009. Theo Biên bản kết quả thực hiện thủ tục giải thể ngày 25 tháng 6 năm 2009, số tiền thu hồi Công ty thu hồi được từ khoản đầu tư là 51.934.150 đồng. Số trích lập dự phòng lũy kế tính đến ngày giải thể của khoản đầu tư là 596.557.599 đồng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Giá trị còn lại của vỏ bình gas (1)	121.583.401.009	130.918.326.744
Trả trước tiền thuê đất (2)	15.888.034.270	11.256.579.929
	<u>137.471.435.279</u>	<u>142.174.906.673</u>

(1) Giá trị vỏ bình gas biến động trong năm như sau:

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	130.918.326.744	111.248.587.837
Tăng thêm trong năm	25.013.741.654	30.039.159.394
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(20.943.439.970)	(10.369.420.487)
Thanh lý	(13.405.227.419)	
Tại ngày 31 tháng 12	<u>121.583.401.009</u>	<u>130.918.326.744</u>

Trong năm, Công ty đã thực hiện thay đổi thời gian phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản tiền đặt cọc vỏ bình gas từ 15 năm xuống còn 10 năm theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 Bộ Tài chính về việc 'Xử lý thuế đối với khoản tiền đặt cọc vỏ bình gas'.

Việc thay đổi thời gian phân bổ này so với việc áp dụng khung thời gian phân bổ cũ cho các lô vỏ bình đã phân bổ từ trước 1 tháng 7 năm 2009 (thời gian có hiệu lực của Công văn số 7776) đã làm tăng chi phí vỏ bình và doanh thu vỏ bình của Công ty trong năm 2009 lần lượt là 9.743.084.584 đồng và 3.414.792.160 đồng và theo đó làm lợi nhuận trước thuế giảm đi với số tiền 6.328.292.424 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(2) Tiền thuê đất trả trước bao gồm:

- Tiền thuê đất tại Gò Dầu phản ánh số tiền thuê 9.210 m2 được trả trước 5 năm cho Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai với thời hạn thuê là 20 năm kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2008; và
- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A phản ánh số tiền thuê 6.675 m2 trả trước cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam với thời hạn thuê là 43,6 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2008.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	19.540.805	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	898.365.988	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	733.597.060	-
Thuế thu nhập cá nhân	124.728.400	189.184.389
	<u>1.776.232.253</u>	<u>189.184.389</u>

15. PHẢI TRẢ NỘI BỘ NGẮN HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Vay phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (1)	150.000.000.000	-
Cổ tức phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam	23.834.759.200	18.493.304.200
Phải trả khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	4.007.185.526
	<u>173.834.759.200</u>	<u>22.500.489.726</u>

(1): Khoản vay Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phản ánh số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cho Công ty vay theo Quyết định số 3736/QĐ-DKVN ngày 28 tháng 6 năm 2007 theo hình thức tín chấp, thời gian vay trong vòng 3 năm kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2007 với mức lãi suất 0%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 số tiền vay này được phản ánh tại khoản mục Phải trả dài hạn nội bộ).

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Chiết khấu bán hàng	1.577.635.845	2.835.340.349
Phải trả vay nợ gas	59.551.500	860.971.595
Kinh phí công đoàn	327.887.319	190.408.682
Bảo hiểm xã hội	24.168.900	17.927.130
Bảo hiểm y tế	14.551.076	13.493.179
Bảo hiểm thất nghiệp	1.538.348	-
Các khoản khác	3.128.125.207	942.978.658
	<u>5.133.458.195</u>	<u>4.861.119.593</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký cược vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	66.496.061.333	62.427.651.989
Tăng thêm trong năm	11.263.360.000	11.321.162.999
Kết chuyển vào doanh thu (*)	(10.127.504.951)	(7.252.753.655)
Thanh lý hợp đồng ký quỹ vỏ bình gas với khách hàng	(6.631.613.158)	-
Tại ngày 31 tháng 12	61.000.303.224	66.496.061.333

(*) Kết chuyển tiền nhận được từ ký cược, ký quỹ vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vỏ bình gas được xác định dựa trên tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị vỏ bình xuất dùng. Tổng giá trị tiền ký cược vỏ bình gas được ghi nhận vào doanh thu trong năm 2009 là 10.127.504.951 đồng (trong năm 2008 là 7.252.753.655 đồng).

18. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Công ty TNHH 1 thành viên cho thuê tài chính - Sacombank (i)	406.962.753	694.218.750
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) (ii)	125.000.000.000	150.000.000.000
PVFC- chi nhánh Sài Gòn (iii)	51.698.488.385	-
	177.105.451.138	150.694.218.750

(i) Tại ngày 2 tháng 1 năm 2007, Công ty ký hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), khoản tiền thuê này sẽ được trả hàng tháng từ ngày 2 tháng 2 năm 2007 đến 2 tháng 1 năm 2011. Lãi suất cho thuê là lãi suất huy động 13 tháng của Sacombank cộng 5,04%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần.

(ii) Tại ngày 10 tháng 4 năm 2008, Công ty ký hợp đồng tín dụng trung hạn số 20/UTDT/PVGASSOUTH-PVFC08 với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam theo hình thức tín chấp, thời gian vay trong vòng 5 năm kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2008 với mức lãi suất 8,3%/năm, trả gốc và lãi định kỳ 6 tháng, thời gian ân hạn là 24 tháng.

(iii) Tại ngày 24 tháng 7 năm 2009, Công ty ký hợp đồng tín dụng dài hạn số 10/2009/HDTD-CNSG-KD với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam- Chi nhánh Sài Gòn theo hình thức tín chấp, thời gian vay trong vòng 7 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Tổng mức cam kết giải ngân theo hợp đồng là 80.677 tỷ đồng. Lãi suất năm đầu tiên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009) là 10,08%/năm, lãi suất các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất ưu đãi quản lý vốn cá nhân 12 tháng (loại trả lãi cuối kỳ) của PVFC cộng 2,52%/năm. Bên vay trả gốc và lãi định kỳ 6 tháng, thời gian ân hạn là 24 tháng. Vốn vay được sử dụng cho dự án xây dựng trạm cung cấp CNG cho hệ thống xe Bus tại Thành phố Hồ Chí Minh.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản nợ dài hạn trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Trong vòng một năm	29.973.442.913	287.256.000
Trong năm thứ hai	59.673.305.493	25.273.580.332
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	103.332.557.904	125.420.638.418
Sau năm năm	14.099.587.742	-
	207.078.894.051	150.981.474.750
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	29.973.442.913	287.256.000
Số phải trả sau 12 tháng	177.105.451.138	150.694.218.750

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 1/1/2008	150.000.000.000	1.061.528.779	530.764.390	8.492.230.231	160.084.523.400
Lãi trong năm	-	-	-	30.091.022.782	30.091.022.782
Trích quỹ	-	3.009.102.278	1.504.551.139	(7.522.755.695)	(3.009.102.278)
Thù lao HĐQT	-	-	-	(278.000.000)	(278.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	(23.370.000.000)	(23.370.000.000)
Tại ngày 31/12/2008	150.000.000.000	4.070.631.057	2.035.315.529	7.412.497.318	163.518.443.904
Lãi trong năm	-	-	-	39.973.530.512	39.973.530.512
Trích quỹ	-	3.997.353.051	1.998.676.526	(9.993.382.628)	(3.997.353.051)
Thù lao HĐQT	-	-	-	(327.000.000)	(327.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	(6.750.000.000)	(6.750.000.000)
Chi quỹ	-	-	(173.981.273)	-	(173.981.273)
Tại ngày 31/12/2009	150.000.000.000	8.067.984.108	3.860.010.782	30.315.645.202	192.243.640.092

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 31 tháng 3 năm 2009, Công ty đã tạm trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi theo tỷ lệ tương ứng 10%, 5% và 10% trên lợi nhuận sau thuế của năm 2009 và công bố chi trả cổ tức năm 2008 là 14,5% mệnh giá tương đương 1.450 đồng/cổ phần (trong năm 2008 Công ty đã tạm ứng 10% do vậy trong năm 2009 Công ty chi trả bổ sung thêm 4,5% tương ứng với số tiền là 6.750.000.000 đồng).

Chi tiết vốn điều lệ như sau:

Tên cổ đông	Theo chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại	
	VNĐ	%	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Tổng Công ty Khí Việt Nam	118.699.000.000	79,13	118.699.000.000	118.699.000.000
Các cổ đông khác	31.301.000.000	20,87	31.301.000.000	31.301.000.000
	150.000.000.000	100	150.000.000.000	150.000.000.000

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 15.000.000 cổ phần (31 tháng 12 năm 2008: 15.000.000 cổ phần). Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu khí hóa lỏng	1.808.342.354.901	1.630.658.785.504
Doanh thu xăng dầu nhớt	65.670.483.101	63.420.928.114
Doanh thu phân bón	37.185.676.191	8.574.428.571
Doanh thu từ tiền đặt cọc bình gas	10.127.504.951	7.252.753.655
Doanh thu khí CNG	24.223.405.114	-
Doanh thu khác	33.315.823.431	3.108.340.823
	1.978.865.247.689	1.713.015.236.667

21. LÃI HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.162.393.031	36.774.797.031
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.909.890.000	24.134.220.000
Thu nhập hoạt động tài chính khác	2.066.893.219	1.200.868.471
	35.139.176.250	62.109.885.502
Chi phí hoạt động tài chính		
Lãi tiền vay	12.615.531.243	12.185.779.855
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	801.110.827	2.196.557.599
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm	2.889.383.352	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	2.190.523.825	2.488.511.659
	18.496.549.247	16.870.849.113
Lãi hoạt động tài chính	16.642.627.003	45.239.036.389

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Dưới đây là một số khoản mục chi phí chủ yếu phát sinh trong năm như sau:

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Chi phí mua khí hóa lỏng	1.691.393.600.839	1.549.836.686.720
Chi phí mua xăng, dầu, nhớt	61.557.330.279	57.486.886.400
Chi phí nhân viên	32.813.280.342	21.611.262.059
Chi phí phân bổ vô bình gas	20.943.439.970	10.369.420.487
Chi phí thuê kho	12.440.097.530	9.981.496.357
Chi phí vận chuyển	7.747.744.373	7.717.310.879
Chi phí khấu hao	12.193.517.262	6.701.665.757

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.391.696.901	32.665.653.030
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
+ Chi phí không được khấu trừ	5.120.056.789	663.675.000
<i>Giá trị vô bình thiếu do kiểm kê</i>	<i>3.816.868.945</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ khác</i>	<i>1.303.187.844</i>	<i>663.675.000</i>
+ Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	19.909.890.000	24.134.220.000
Tổng thu nhập chịu thuế	28.601.863.690	9.195.108.030
Thu nhập miễn thuế (1)	(10.972.609.429)	-
Thu nhập tính thuế trong năm	17.629.254.261	9.195.108.030
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.407.313.565	2.574.630.248
Thuế TNDN được giảm (2)	(1.322.194.070)	-
Thuế TNDN bổ sung sau quyết toán	333.046.894	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.418.166.389	2.574.630.248

(1) Theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh khí CNG, hoạt động kinh doanh khí CNG sẽ được hưởng thuế suất thuế TNDN là 20% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế hai năm và giảm 50% cho sáu năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế. Năm 2009 là năm đầu tiên hoạt động kinh doanh khí CNG có thu nhập chịu thuế, Công ty được miễn thuế TNDN trên thu nhập chịu thuế này.

(2) Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009 hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2009.

24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên các cơ sở số liệu sau:

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	39.973.530.512	30.091.022.782
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	15.000.000	15.000.000
Lãi trên cổ phiếu cơ bản	2.665	2.006



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	2009 <u>VND</u>	2008 <u>VND</u>
Mua hàng		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	1.275.969.514.912	935.465.238.134
Nhà máy Sản xuất Bình khí PetroVietnam	28.740.076.490	9.913.087.056
Tổng công ty CP Đạm và hoá chất dầu khí Việt Nam	20.284.500.000	8.809.523.809
Tổng Công ty dầu khí Việt Nam PV Oil	46.182.632.000	45.580.455.571
Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	9.018.839.193	-
Ban quản lý Dự án nhà máy Lọc Dầu Dung Quất	579.947.113.739	-
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc	2.759.461.840	2.451.132.190
Số dư với các bên liên quan:		
	31/12/2009 <u>VND</u>	31/12/2008 <u>VND</u>
Đầu tư ngắn hạn		
Công ty Tài chính dầu khí (tiền gửi có kỳ hạn)	10.196.777.779	-
Phải thu		
Công Ty TNHH Khí Hóa Lỏng Việt Nam	5.108.722.158	-
Công ty CP Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc	-	-
Tổng công ty CP xây lắp DK Việt Nam	-	49.500.000.000
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất dầu khí - Cty Cổ phần	16.185.584.466	-
Công ty KD các sản phẩm Khí	10.907.379.334	-
Phải trả		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam		
- <i>Vay dài hạn</i>	206.398.350.966	150.000.000.000
- <i>Lãi vay dự trả</i>	2.868.053.570	1.864.362.183
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam		
- <i>Lợi nhuận nộp Tập đoàn</i>	-	4.007.185.526
- <i>Vay dài hạn Tập đoàn</i>	206.398.350.966	150.000.000.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam	244.096.051.889	244.236.255.314
Nhà Máy sản Xuất Bình Khí PETROVIETNAM	11.440.443.616	750.487.556
Công ty CP Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc	554.250.000	-
Tổng Công ty dầu Việt Nam (PV Oil)	3.928.788.001	4.178.880.000
Ban quản lý Dự án nhà máy Lọc Dầu Dung Quất	248.791.550.392	-
Xí nghiệp Phân phối khí Tháp áp vũng Tàu	9.950.807.120	-
Tổng công ty CP xây lắp Dầu khí Việt Nam -PVC	9.536.015.935	-
Cty TNHH MTV xây lắp Đường ống bồn bể Dầu khí	5.199.917.638	-
Cty TNHH MTV XD Công Nghiệp và dân dụng dầu khí	168.576.469	1.588.809.186
Cty CP DV vận tải dầu khí Cửu Long	10.841.500	-
Cty CP truyền thông dầu khí VN - PV Media	251.681.870	-
Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và DV Dầu Khí Biển	19.486.770	-
Cty CP Vận Tải SP khí Quốc Tế (Gas Shipping)	13.760.376.904	-
Công ty Bảo Hiểm DK Vũng Tàu	374.572.070	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1- 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc thuê văn phòng với thời hạn là 3 năm và lịch thanh toán như sau:

	31/12/2009 <u>VND</u>	31/12/2008 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.429.107.465	2.735.574.913
Từ năm thứ hai đến năm thứ 5	8.383.762.739	455.929.153
	11.812.870.204	3.191.504.066

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 20 tháng 10 năm 2009, Công ty có kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 150 tỷ đồng lên 215 tỷ đồng. Kế hoạch tăng vốn này dự kiến thực hiện trong Quý I/2010.

Ngoài ra, theo Nghị quyết cuộc họp Hội Đồng quản trị ngày 31 tháng 12 năm 2009, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty năm 2010 là 228,38 tỷ đồng.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

28. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 5 tháng 3 năm 2010.



Audited Financial Statements 2009

PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOINT STOCK COMPANY
4th Floor, PetroVietnam Tower, 1- 5 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1
Ho Chi Minh City, S.R Vietnam

STATEMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS

The Board of Directors of PetroVietnam Southern Gas Joint Stock Company ("the Company") presents this report together with the Company's audited financial statements for the year ended 31 December 2009.

THE BOARDS OF MANAGEMENT AND DIRECTORS

The members of the Boards of Management and Directors of the Company who held office during the year and at the date of this report are as follows:

Board of Management

Mr. Nguyen Sy Thang	Chairman
Mr. Doan Van Nhuom	Member
Mr. Do Tan	Member (resigned on 28 October 2009)
Ms. Nguyen Minh Ngoc	Member (assigned on 28 October 2009)
Mr. Ha Anh Tuan	Member
Mr. Vu Quy Hieu	Member

Board of Directors

Mr. Doan Van Nhuom	General Director
Mr. Ha Anh Tuan	Deputy General Director
Mr. Tran Van Nghi	Deputy General Director

BOARD OF DIRECTORS' STATEMENT OF RESPONSIBILITY

The Board of Directors of the Company is responsible for preparing the financial statements of each year, which give a true and fair view of the financial position of the Company and of its results and cash flows for the year. In preparing these financial statements, the Board of Directors is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the financial statements;
- Prepare the financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business; and
- Design and implement an effective internal control system for the purpose of properly preparing the financial statements so as to minimise errors and frauds.

The Board of Directors is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and to ensure that the financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System and prevailing accounting regulations in Vietnam. It is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Directors confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing these financial statements.

For and on behalf of the Board of Directors,



Deloitte.

Deloitte Vietnam Company Ltd.
11/F, Unit 1105, Saigon Trade Center
37 Ton Duc Thang Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel : +84 (0) 8 3910 0751
Fax: +84 (0) 8 3910 0750
www.deloitte.com/vn

No. /Deloitte-AUDHCM-RE

AUDITORS' REPORT

To: **The shareholders of PetroVietnam Southern Gas Joint Stock Company**

We have audited the accompanying balance sheet of PetroVietnam Southern Gas Joint Stock Company ("the Company") as at 31 December 2009, the related statements of income, cash flows and the notes to the financial statements for the year then ended. The accompanying financial statements are not intended to present the financial position, results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

Respective Responsibilities of the Board of Directors and Auditor

As stated in the Statement of the Board of Directors on page 1, these financial statements are the responsibility of the Company's Board of Directors. Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit.

Basis of Opinion

We have conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we plan and perform the audit to obtain reasonable assurance that the financial statements are free of material misstatements. An audit includes examining, on a test basis, evidence supporting the amounts and disclosures in the financial statements. An audit also includes assessing the accounting principles used and significant estimates made by management, as well as evaluating the overall financial statement presentation. We believe that our audit provides a reasonable basis for our opinion.

Opinion

In our opinion, the accompanying financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial positions of the Company as at 31 December 2009, the results of its operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System and prevailing accounting regulations in Vietnam.



Tran Dinh Nghi Ha
Deputy General Director
CPA Certificate No 0288/KTV

For and on behalf of

DELOITTE VIETNAM COMPANY LIMITED
5 March 2010
Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam

Tran Huy Cong
Auditor
CPA Certificate No 0891/KTV

BALANCE SHEET
As at 31 December 2009

FORM B 01-DN
Unit: VND

ASSETS	Codes	Notes	31/12/2009	31/12/2008
A. CURRENT ASSETS (100 = 110+120+130+140+150)	100		672,007,597,627	499,541,420,960
I. Cash and cash equivalents	110	5	167,310,616,217	34,283,596,194
1. Cash	111		147,113,838,438	34,283,596,194
2. Cash equivalent	112		20,196,777,779	-
II. Short-term investments	120	6	-	193,113,367,650
1. Short-term investment	121		-	193,113,367,650
III. Short-term receivables	130		390,201,814,809	240,191,364,846
1. Trade accounts receivable	131		376,301,306,672	184,068,157,605
2. Advances to suppliers	132		19,111,070,007	65,546,729,095
3. Other receivables	135		3,755,580,677	4,616,800,084
4. Provision of doubtful debts	139		(8,966,142,547)	(14,040,321,938)
IV. Inventories	140	7	75,649,210,688	11,297,609,396
1. Inventories	141		75,649,210,688	11,297,609,396
2. Provision for devaluation in inventories	149		-	-
V. Other short-term assets	150		38,845,955,913	20,655,482,874
1. Short-term prepayments	151		7,045,697,429	5,121,266,384
2. VAT receivables	152		24,817,637,466	10,771,157,371
3. Taxes and amounts receivables from State Budget	154		94,364,469	2,573,401,819
4. Other short-term assets	158		6,888,256,549	2,189,657,300
B. NON-CURRENT ASSETS (200= 210+220+250+260)	200		559,670,370,342	325,237,995,096
I. Long-term receivables	210		85,500,000	85,500,000
1. Other long-term receivables	218		85,500,000	85,500,000
II. Fixed assets	220		313,895,717,620	109,959,817,752
1. Tangible fixed assets	221	8	273,327,375,616	82,831,749,172
- Cost	222		306,696,972,521	105,751,798,837
- Accumulated depreciation	223		(33,369,596,905)	(22,920,049,665)
2. Finance lease assets	224		866,258,818	1,119,797,984
- Cost	225		1,521,235,000	1,521,235,000
- Accumulated depreciation	226		(654,976,182)	(401,437,016)
3. Intangible fixed assets	227	9	11,475,044,588	10,615,247,090
- Cost	228		11,660,825,730	10,837,906,985
- Accumulated amortization	229		(185,781,142)	(222,659,895)
4. Construction in progress	230	10	28,227,038,598	15,393,023,506
III. Long-term investments	250		108,217,717,443	73,017,770,671
1. Investments in associates	252	11	37,264,500,000	-
2. Other long-term financial investments	258	12	73,354,328,270	75,214,328,270
3. Provision for long-term financial investments	259		(2,401,110,827)	(2,196,557,599)
IV. Other non-current assets	260		137,471,435,279	142,174,906,673
1. Long-term prepayments	261	13	137,471,435,279	142,174,906,673
TOTAL ASSETS (270=100+200)	270		1,231,677,967,969	824,779,416,056

BALANCE SHEET (Continued)
As at 31 December 2009

FORM B 01-DN
Unit: VND

RESOURCES	Code	Notes	31/12/2009	31/12/2008
A. LIABILITIES (300=310+330)	300		1,038,078,698,524	660,213,526,776
I. Current liabilities	310		799,972,944,162	293,023,246,693
1. Short-term loans	311		29,973,442,913	287,256,000
2. Trade accounts payable	312		561,814,806,901	257,377,958,965
3. Advance from customers	313		12,191,540,675	506,315,796
4. Taxes and amounts payable to State Budget	314	14	1,776,232,253	189,184,389
5. Payables to employees	315		10,026,161,976	4,453,740,262
6. Accrued expenses	316		5,222,542,049	2,847,181,962
7. Inter-company payables	317	15	173,834,759,200	22,500,489,726
8. Other current payables	319	16	5,133,458,195	4,861,119,593
II. Long-term liabilities	330		238,105,754,362	367,190,280,083
1. Long-term inter-company payable	332		-	150,000,000,000
2. Other long-term payables	333	17	61,000,303,224	66,496,061,333
3. Long-term loans and liabilities	334	18	177,105,451,138	150,694,218,750
B. EQUITY (400=410+430)	400		193,599,269,445	164,565,889,280
I. Owners' equity	410	19	192,243,640,092	163,518,443,904
1. Chartered capital	411		150,000,000,000	150,000,000,000
2. Investment fund	417		8,067,984,108	4,070,631,057
3. Financial reserve fund	418		3,860,010,782	2,035,315,529
4. Retained earnings	420		30,315,645,202	7,412,497,318
II. Other Funds	430		1,355,629,353	1,047,445,376
1. Bonus and welfare fund	431		1,355,629,353	1,047,445,376
TOTAL RESOURCES (440=300+400)	440		1,231,677,967,969	824,779,416,056



Đoàn Văn Nhuom
General Director
5 March 2010

Vu Quy Hieu
Chief accountant

INCOME STATEMENT
For the year ended 31 December 2009

FORM B 02-DN
Unit: VND

ITEMS	Code	Notes	2009	2008
1. Gross sales of merchandise and services	01	20	1,978,865,247,689	1,713,015,236,667
2. Less deductions	02		-	-
3. Net sales of merchandise and services	10		1,978,865,247,689	1,713,015,236,667
4. Cost of goods sold	11		1,834,900,381,403	1,632,516,009,783
5. Gross profit from sale of merchandise and services	20		143,964,866,286	80,499,226,884
6. Financial income	21	21	35,139,176,250	62,109,885,502
7. Financial expenses	22	21	18,496,549,247	16,870,849,113
8. Selling expenses	24		101,566,760,900	68,517,405,051
9. General and administration expenses	25		12,380,839,324	11,247,486,617
10. Profit from operating activities	30		46,659,893,065	45,973,371,605
11. Other income	31		10,677,959,527	1,445,667,362
12. Other expenses	32		13,946,155,691	14,753,385,937
13. (Loss) from other activities	40		(3,268,196,164)	(13,307,718,575)
14. Accounting profit before tax	50		43,391,696,901	32,665,653,030
15. Current tax expense	51	23	3,418,166,389	2,574,630,248
16. Net profit after corporate income tax	60		39,973,530,512	30,091,022,782
17. Basic earnings per share	70	24	2,665	2,006

0300;
ĐỀ TÀI
ĐỀ PHẢI
ĐỀ ĐỐI
ĐỀ L
ĐỀ N
ĐỀ P. HỒ


Đoan Van Nhuom
General Director
5 March 2010


Vu Quy Hieu
Chief Accountant

CASH FLOW STATEMENT
For the year ended 31 December 2009

FORM B 03-DN
Unit: VND

ITEMS	Codes	2009	2008
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
1. Profit before tax	01	43,391,696,901	32,665,653,030
2. Adjustments for:			
Depreciation, amortization	02	12,426,300,275	6,701,665,757
Provisions	03	(1,149,626,163)	13,121,922,919
Unrealized foreign exchange difference	04	284,056,470	-
(Gain) from investing activities	05	(22,550,818,863)	(60,909,017,031)
Interest expense	06	12,615,531,243	12,185,779,855
3. Operating profit before movements in working capital	08	45,017,139,863	3,766,004,530
(Increase)/Decrease in receivables	09	(164,798,782,912)	510,320,801
(Increase)/Decrease in inventories	10	(64,351,601,292)	14,739,002,077
Increase/ (Decrease) in accounts payable	11	291,447,239,204	(105,546,498,349)
Decrease in other current assets	12	27,414,774,279	3,599,082,487
Interest paid	13	(12,170,195,517)	(10,439,264,046)
Corporate income tax paid	14	(542,135,867)	(7,000,168,405)
Other cash disbursement	16	(3,863,150,347)	(3,589,306,015)
Net cash from (used in) operating activities	20	118,153,287,411	(103,960,826,920)
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
1. Acquisition of fixed assets and other long-term assets	21	(257,579,897,127)	(181,012,585,865)
2. Increase from disposal of fixed assets and other long term assets	22	28,781,703,657	-
3. Cash recovered from short-term deposits	24	193,113,367,650	6,886,632,350
4. Cash use to contribute to other entities	25	(37,264,500,000)	(1,547,217,673)
5. Cash recovered from acquisition of investment in other entities	26	-	1,500,000,000
6. Interest, dividend received	27	33,072,283,031	83,699,768,262
Net cash (used in) investing activities		(39,877,042,789)	(90,473,402,926)
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
1. Cash receive from borrowings	33	56,384,675,301	150,000,000,000
2. Repayments financial debt	35	(287,256,000)	(287,256,000)
3. Dividend payments	36	(1,346,643,900)	(4,876,695,800)
Net cash from financing activities	40	54,750,775,401	144,836,048,200
Net increase in cash and cash equivalents	50	133,027,020,023	(49,598,181,646)
Cash and cash equivalents at beginning of the year	60	34,283,596,194	83,881,777,840
Cash and cash equivalents at end of the year	70	167,310,616,217	34,283,596,194

0300;
ĐỀ TÀI
ĐỀ PHẢI
ĐỀ ĐỐI
ĐỀ L
ĐỀ N
ĐỀ P. HỒ

CASH FLOW STATEMENT (Continued)
For the year ended 31 December 2009

FORM B 03-DN
Unit: VND

Supplemental non-cash disclosures

Cash outflows for purchases of fixed assets and construction in progress during the year exclude an amount of VND 20,937,356,765 representing an addition in fixed assets during the year that have not yet been paid. Consequently, changes in accounts payable have been adjusted by the same amount.



Doan Van Nhuom
General Director
5 March 2010


Vu Quy Hieu
Chief Accountant



NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENT

FORM B 09-DN

The notes are an integral part of and should be read in conjunction with the financial statements

1. GENERAL INFORMATION

Structure of ownership

PetroVietnam Southern Gas Joint Stock Company ("the Company"), formerly PetroVietnam Southern Gas Company, whose shares are listed on Hanoi Securities Exchange, is incorporated under the Business Registration Certificate No.4103007397 dated 25 July 2007 and first-time revision on 22 August 2007 with its charter capital of VND150,000,000,000. The parent company is PetroVietnam Gas Corporation who holds 79.13% of the Company's charter capital.

The number of employees as at 31 December 2009 was 291 (31 December 2008: 252).

Principal activities

The Company's principal activities are as follows:

- Trade in PLG and oil and gas-related products;
- Organise a system for distributing, transporting and bottling PLG and other equipment, chemicals (transporting, storing and providing transport service by-land and water way);
- Design, construct and consult PLG projects, gas-related projects for industrial consumption, transfer technology, exploiting and provide maintenance service of civil constructions relating to PLG;
- Provide services relating to PLG and gas-related products for purposes of industrial, civil and transportation;
- Import, export PLG, materials, equipment and facilities to serve transportation, storage, bottling and trading of PLG;
- Trade in petroleum, oil, viscosine, and additives relating thereto.

2. ACCOUNTING CONVENTION AND ACCOUNTING PERIOD

Accounting convention

The accompanying financial statements, expressed in Vietnam Dong (VND), are prepared under the historical cost convention and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System and prevailing accounting regulations in Vietnam.

Accounting period

The Company's financial year begins on 01 January and ends on 31 December.

3. ADOPTION OF NEW ACCOUNTING STANDARDS AND GUIDANCE

On 15 October 2009, the Ministry of Finance issued Circular No.201/2009/TT-BTC guiding the recognition of foreign exchange differences in enterprises. The recognition of foreign exchange differences arising from revaluation of monetary items at the balance sheet date in accordance with Circular No.201/2009/TT-BTC differs from that as regulated with Vietnamese Accounting Standard No.10 (VAS 10) - Effects of changes in foreign exchange rates. According to Circular No.201/2009/TT-BTC, accounting treatments of foreign exchange differences are as follows:

- Foreign exchange differences arising from revaluation of monetary items, short-term receivables and payables denominated in foreign currencies at the balance sheet date are not recorded in the income statement for the reporting period but are recorded in the balance sheet under the account "foreign exchange reserve" in the owner's equity section.
- Foreign exchange differences arising from revaluation of long-term payables are recorded in the income statement for the reporting period. In case the Company makes a loss, it may allocate part of foreign exchange losses within 5 subsequent years after deducting the foreign exchange difference incurred during the reporting period corresponding to the current portion of long-term payables.

AT
G
G
KIN
KHÍ
MI
TT

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENT (Continued)

FORM B 09-DN

The notes are an integral part of and should be read in conjunction with the financial statements

If foreign exchange differences had been recognised in accordance with Circular No.201/2009/TT-BTC, the Company's profit before tax for the year ended 31 December 2009 would have increased by VND 284,056,470 and the "Foreign exchange reserve" account under Owner's equity section in the balance sheet as at 31 December 2009 would have decreased by the same amount. The Board of Directors decides not to apply the method of recording foreign exchange differences as guided in Circular No.201/2009/TT-BTC and believes that by applying VAS 10, the financial statements will give a more appropriate view of the financial position of the Company and of its results.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The significant accounting policies, which have been adopted by the Company in the preparation of these financial statements, are as follows:

Estimates

The preparation of financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System and prevailing accounting regulations in Vietnam requires management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the reporting period. Actual results could differ from those estimates.

Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, demand deposits and short-term, highly liquid investments that are readily convertible to known amounts of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

Provision for doubtful debts

A provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue for six months or more, or when the debtor is in insolvency, in bankruptcy, or experiencing similar difficulties and so may be unable to repay the debt in accordance with the Circular No. 228/2009/TT-BTC dated 7 December 2009 issued by the Ministry of Finance guiding "Regimes of making and using provision for devaluation of inventories, impairments of financial investments, bad debts and warranty of products, goods and construction at enterprises".

Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost comprises direct materials and where applicable, direct labour costs and those overheads that have been incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Cost is calculated using the weighted average method. Net realisable value represents the estimated selling price less all estimated costs to completion and costs to be incurred in marketing, selling and distribution.

The evaluation of necessary provision for inventory obsolescence follows current prevailing accounting regulations, which allow provisions to be made for obsolete, damaged, or sub-standard inventories which have a book value higher than net realisable value as at the balance sheet date.

Tangible fixed assets and depreciation

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The cost of purchased tangible fixed assets comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the assets to its working condition and location for its intended use. Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over the following estimated useful lives in accordance with Decision No 206/2003/QĐ-BTC dated 12 December 2003 issued by Ministry of Finance, as follows:



NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENT (Continued)

FORM B 09-DN

The notes are an integral part of and should be read in conjunction with the financial statements

	<u>Years</u>
Buildings and structures	5 - 25
Machinery and equipment	3 - 7
Vehicles	6
Other assets	3

Leasing

Leases are classified as financial leases whenever the terms of the lease transfer substantially all the risks and rewards of ownership to the lessee. All other leases are classified as operating leases.

Assets held under finance leases are recognised as assets of the Company at their fair value at the inception of the lease or, if lower, at the present value of the minimum lease payments. The corresponding liability to the lessor is included in the balance sheet as a finance lease obligation. Lease payments are apportioned between finance charges and reduction of the lease obligation so as to achieve a constant rate of interest on the remaining balance of the liability. Finance charges are charged to profit or loss. Rentals payable under operating leases are charged to profit or loss on a straight-line basis over the term of the relevant lease.

Assets held under financial leases are depreciated over their expected useful lives on the same basis as owned assets or, where shorter, over the term of the relevant lease. Therefore, the useful life of motor vehicles under financial leases is 6 years, according to the Company's estimate.

Intangible fixed assets and amortisation

Intangible fixed assets represent land use rights and computer software that are stated at cost less accumulated amortisation. Land use rights are amortised using the straight-line method over the duration of the right to use the land. For land-use rights that are unlimited, they are not amortised. Computer software is amortised using the straight-line method over 3 years.

Construction in progress

Properties in the course of construction for production, leases or administrative purposes, or for the purposes not yet determined, are carried at cost. Cost includes professional fees, and for qualifying assets, borrowing costs dealt with in accordance with the Company's accounting policy. Depreciation of these assets, on the same basis as other property assets, commences when the assets are ready for their intended use.

Long-term investments

Investments in associates

An associate is an entity over which the Company has significant influence and that is neither a subsidiary nor an interest in joint venture. Significant influence is the power to participate in the financial and operating policy decisions of the investee but not control or joint control over those policies. Investments in associates are stated at cost less provision for investments, if any.

Other long-term investments

Long-term investments are recognized since its purchase date and their initial value are carried at cost. Provision for diminution in value of other long-term investments was made in accordance with the prevailing regulations.

Amortisation for cost of gas cylinders and deposit for gas cylinders paid by customers

Carrying amount of gas cylinders are represented in the long-term prepayment account and are charged to income statement on a straight-line basis over an estimated useful life of 10 years.



PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOIN STOCK COMPANY4th Floor, PetroVietnam Tower, 1- 5 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam**Financial Statements**

For the year ended 31 December 2009

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENT (Continued)**FORM B 09-DN***The notes are an integral part of and should be read in conjunction with the financial statements*

Deposit for gas cylinders received from customers is charged to income over with estimated useful lives of the gas cylinders.

Revenue recognition

Revenue is recognised when the outcome of such transaction can be measured reliably and it is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company.

Revenue of PLG is recognised when goods are delivered and titles have been passed.

Revenue from deposit of gas cylinders paid by customers is allocated to income on the straight-line basis over 10 years. The remaining deposit for gas cylinders unallocated to income is represented as other long-term payables on the balance sheet.

Foreign currencies

Transactions arising in foreign currencies are translated at exchange rates ruling at the transaction date. Monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies are retranslated at the rates of exchange prevailing on the balance sheet date. Exchange differences arising are recognised in the income statement. Unrealised exchange gains at the balance sheet date are not treated as part of distributable profit to shareholders.

Borrowing costs

Borrowing costs directly attributable to the acquisition, construction or production of qualifying assets, which are assets that necessarily take a substantial period of time to get ready for their intended use or sale, are added to the cost of those assets, until such time as the assets are substantially ready for their intended use or sale. Investment income earned on the temporary investment of specific borrowings pending their expenditure on qualifying assets is deducted from the cost of those assets.

All other borrowing costs are recognised in the income statement when incurred.

Provisions

Provisions are recognised when the Company has a present obligation as a result of a past event, and it is probable that the Company will be required to settle that obligation. Provisions are measured at the management's best estimate of the expenditure required to settle the obligation at the balance sheet date.

Taxation

Income tax expense represents the sum of the tax currently payable and deferred tax.

The tax currently payable is based on taxable profit for the year. The Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 25% of its assessable income. Taxable profit differs from net profit as reported in the income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years (including loss carried forward, if any) and it further excludes items that are never taxable or deductible.

The Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 20% annually over assessable income in operation years. The Company is entitled to corporate income tax exemption for two years from the first profit making year and a reduction of 50% for the following six years. During 2009, the Company applied the tax rate of zero percent during the year as it is the Company's first year to make profit for the CNG gas business activity.

PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOIN STOCK COMPANY4th Floor, PetroVietnam Tower, 1- 5 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam**Financial Statements**

For the year ended 31 December 2009

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENT (Continued)**FORM B 09-DN***The notes are an integral part of and should be read in conjunction with the financial statements*

The determination of the tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities' examinations.

Deferred tax is recognised on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit and is accounted for using balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are generally recognised for all temporary differences and deferred tax assets are recognised to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilised.

Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the period when the liability is settled or the asset realised. Deferred tax is charged or credited to profit or loss, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority and the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

No deferred tax has been recognised because difference between the carrying amounts of assets and liabilities in the financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit were not significant as at 31 December 2009.

5. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Cash on hand	1,779,275,655	1,221,236,008
Cash in bank	144,732,179,733	33,004,858,214
Cash in transit	602,383,050	57,501,972
Cash equivalents	20,196,777,779	-
	167,310,616,217	34,283,596,194

6. SHORT-TERM INVESTMENTS

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Term deposits at banks	-	190,000,000,000
Other short-term investments	-	3,113,367,650
	-	193,113,367,650

103
CÔNG
CƠ
KINH
KHÍ HÓA
MIỀN
TP.1

PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOIN STOCK COMPANY

4th Floor, PetroVietnam Tower, 1- 5 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam

Financial Statements

For the year ended 31 December 2009

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENT (Continued)

FORM B 09-DN

The notes are an integral part of and should be read in conjunction with the financial statements

7. INVENTORIES

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Goods in transits	276,805,128	-
Raw materials	1,503,742,347	1,368,121,327
Tools and dies	132,636,105	286,217,064
Commercial goods	73,690,395,055	9,643,271,005
Good on consignment	45,632,053	-
	75,649,210,688	11,297,609,396
Less: Provision for devaluation of inventories	-	-
Net realisable value	75,649,210,688	11,297,609,396

8. TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings & Plant VND	Machinery & Equipment VND	Vehicles VND	Office Equipment VND	Other Assets VND	Total VND
COST						
As at 01/01/2009	78,163,775,989	3,172,397,202	20,342,555,409	3,693,198,023	379,872,214	105,751,798,837
Transferred from CIP	187,250,132,318	22,637,543,356	-	-	-	209,887,675,674
Purchase	-	8,600,568,180	3,996,763,142	275,500,611	1,115,031,104	13,987,863,037
Disposals	(22,181,873,251)	-	-	(748,491,776)	-	(22,930,365,027)
As at 31/12/2009	243,232,035,056	34,410,508,738	24,339,318,551	3,220,206,858	1,494,903,318	306,696,972,521
ACCUMULATED DEPRECIATION						
As at 01/01/2009	7,818,191,265	668,439,556	12,417,619,892	1,975,926,738	39,872,214	22,920,049,665
Charge for the year	6,527,496,865	1,875,632,688	2,814,487,384	814,927,459	94,090,046	12,126,634,442
Disposals	(937,500,003)	-	-	(739,587,199)	-	(1,677,087,202)
As at 31/12/2009	13,408,188,127	2,544,072,244	15,232,107,276	2,051,266,998	133,962,260	33,369,596,905
NET BOOK VALUE						
As at 31/12/2009	229,823,846,929	31,866,436,494	9,107,211,275	1,168,939,860	1,360,941,058	273,327,375,616
As at 31/12/2008	70,345,584,724	2,503,957,646	7,924,935,517	1,717,271,285	340,000,000	82,831,749,172

073
TY
HÃN
DANI
LÔP
NAP
5C

PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOIN STOCK COMPANY

4th Floor, PetroVietnam Tower, 1- 5 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam

Financial Statements

For the year ended 31 December 2009

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENT (Continued)

FORM B 09-DN

The notes are an integral part of and should be read in conjunction with the financial statements

9. INTANGIBLE FIXED ASSETS

	Land Use Right VND	Accounting Software VND	Total VND
COST			
As at 1/1/2009	10,627,670,980	210,236,005	10,837,906,985
Additions	905,924,165	-	905,924,165
Disposals	-	(83,005,420)	(83,005,420)
As at 31/12/2009	11,533,595,145	127,230,585	11,660,825,730
ACCUMULATED AMORTIZATION			
As at 1/1/2009	17,675,000	204,984,895	222,659,895
Charge for the year	42,420,000	3,706,667	46,126,667
Disposals	-	(83,005,420)	(83,005,420)
As at 31/12/2009	60,095,000	125,686,142	185,781,142
NET BOOK VALUE			
As at 31/12/2009	11,473,500,145	1,544,443	11,475,044,588
As at 31/12/2008	10,609,995,980	5,251,110	10,615,247,090

10. CONSTRUCTION IN PROGRESS

	2009 VND	2008 VND
As at 1 January	15,393,023,506	15,439,360,913
Additions	222,721,690,766	62,329,179,221
Transferred to tangible fixed assets	(209,887,675,674)	(62,311,352,956)
Other decreases	-	(64,163,672)
As at 31 December	28,227,038,598	15,393,023,506

11. INVESTMENTS IN ASSOCIATES

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Investment in associates	37,264,500,000	-
Share of post-acquisition profits, net of dividends received	-	-
	37,264,500,000	-

Details of the Company's associates at 31 December 2009 are as follows:

Name of subsidiary	Place of incorporation and operation	Proportion of ownership interest %	Proportion of voting power held %	Cost of Investment as at 31/12/2009 VND	Principal activity
Vinabenny Energy Joint Stock Company	Long An	20.83	20.83	14,400,000,000	Rent of LPG
CNG Vietnam Joint Stock Company	Ba Ria – Vung Tau	34.02	34.02	22,864,500,000	Manufacture and trade of CNG, LNG, etc

PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOIN STOCK COMPANY

4th Floor, PetroVietnam Tower, 1- 5 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam

Financial Statements

For the year ended 31 December 2009

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENT (Continued)

FORM B 09-DN

The notes are an integral part of and should be read in conjunction with the financial statements

According to Capital Contribution Decision No. 01/QD-KMN dated 24 March 2009, the total amount of capital contribution to Vinabenny Energy Joint Stock Company is VND 50 billion which the Company committed in 3 year progress of time.

Pursue the Transfer Agreement dated 2 November 2009, investment into CNG Vietnam Joint Stock Company was transferred from PetroVietnam Gas Corporation (the parent company).

12. OTHER LONG-TERM FINANCIAL INVESTMENTS

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
PetroVietnam Gas tank Producing Factory (i)	17,254,328,270	17,254,328,270
PetroVietnam Low pressure gas distribution JSC (ii)	56,100,000,000	56,100,000,000
Thi Vai port warehousing JSC (iii)	-	1,860,000,000
	<u>73,354,328,270</u>	<u>75,214,328,270</u>
Provision for diminution in value of long-term investments	(2,401,110,827)	(2,196,557,599)
	<u>70,953,217,443</u>	<u>73,017,770,671</u>

(i) represents contribution by cash to PetroVietnam Tourism Services Joint Stock Company and PetroVietnam Finance Joint Stock Corporation to establish a PetroVietnam Gas tank producing factory under business cooperation contract No.36/HDHTKD/SETCO-PVGAS-PVFC dated 14 March 2003. The capital contributed by the Company to the factory makes up 20% total capital of the business cooperation contract.

(ii) represents the investment into Petro Vietnam Low Pressure Gas Distribution Joint Stock Company (PVGAS D). This investment makes up of 17% PVGAS D's charter capital.

(iii) Thi Vai port warehousing Joint Stock Company dissolved in the year of 2009. According to the minute of result of conducting dissolve procedure dated 25 June 2009, the Company reclaimed VND 51,934,150 out of this investment. The accumulated provision of this investment to dissolve date is VND 596,557,599.

13. LONG-TERM PREPAYMENTS

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Carrying amount of gas tank (1)	121,583,401,009	130,918,326,744
Land rental prepaid (2)	15,888,034,270	11,256,579,929
	<u>137,471,435,279</u>	<u>142,174,906,673</u>

(1): The movements in the value of gas cylinders for the year are as follows:

	2009	2008
	VND	VND
As at 1 January	130,918,326,744	111,248,587,837
Additions	25,013,741,654	30,039,159,394
Allocated to expenses	(20,943,439,970)	(10,369,420,487)
Disposals	(13,405,227,419)	-
As at 31 December	<u>121,583,401,009</u>	<u>130,918,326,744</u>

During the year, the Company has changed period of amortization for cost of gas cylinders and deposit for gas cylinders from 15 years to 10 years in conform to the Official Dispatch No. 7776/BTC-TCT dated 2 June 2009 from the Ministry of Finance guiding ' Tax settlement to deposits for gas cylinders'.

PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOIN STOCK COMPANY

4th Floor, PetroVietnam Tower, 1- 5 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam

Financial Statements

For the year ended 31 December 2009

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENT (Continued)

FORM B 09-DN

The notes are an integral part of and should be read in conjunction with the financial statements

This change compared to the old schedule for cylinders amortized prior to 1 July 2009 (valid date of the Official Dispatch No. 7776) has increased cost of gas cylinders and sale of gas cylinders respectively VND 9,743,084,584 and VND 3,414,792,160. Therefore, profit before tax is decreased by VND 6,328,292,424.

(2) Prepaid land rental includes:

- Land rental of 9,210m² at Go Dau has been prepaid for 5 years to Dong Dai Port joint stock company with a lease term of 20 years starting on 01 August 2008; and
- Land rental of 6,675m² at My Xuan A Industrial Zone has been prepaid to Vietnam urban and industrial zone development investment corporation with a lease term of 43.6 years starting on 28 November 2008.

14. TAXES AND AMOUNTS PAYABLE TO STATE BUDGET

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
VAT on domestic sales	19,540,805	-
VAT on imports	898,365,988	-
Import-export duty	-	-
Corporate income tax	733,597,060	-
Personal Income Tax	124,728,400	189,184,389
	<u>1,776,232,253</u>	<u>189,184,389</u>

15. SHORT-TERM INTER-COMPANY PAYABLES

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Long-term loan payable to PetroVietnam Oil & Gas Group (1)	150,000,000,000	-
Dividends payable to Petrovietnam Gas Corporation	23,834,759,200	18,493,304,200
Other payable to PetroVietnam Oil & Gas Group	-	4,007,185,526
	<u>173,834,759,200</u>	<u>22,500,489,726</u>

(1): Long-term inter-company payables represent the amount that the Company has borrowed from Vietnam Oil and Gas Group under the Decision No.3736/QD-DKVN dated 28 June 2007. This is an unsecured loan with a term of 3 years starting on 15 June 2007 with interest rate of 0% per annum (As at 31 December 2008, the amount was recorded at Long-term Intercompany payables).

16. OTHER CURRENT PAYABLES

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Sales discount	1,577,635,845	2,835,340,349
Payable (due to borrowing of gas)	59,551,500	860,971,595
Trade union fee	327,887,319	190,408,682
Social insurance	24,168,900	17,927,130
Medical insurance	14,551,076	13,493,179
Unemployment Insurance	1,538,348	-
Others	3,128,125,207	942,978,658
	<u>5,133,458,195</u>	<u>4,861,119,593</u>

D-AT
 C
 KIM
 KHÍ
 MI
 177

PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOIN STOCK COMPANY

4th Floor, PetroVietnam Tower, 1- 5 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam

Financial Statements
For the year ended 31 December 2009

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENT (Continued)

FORM B 09-DN

The notes are an integral part of and should be read in conjunction with the financial statements

17. OTHER LONG-TERM PAYABLES

They represent amounts received from deposit for gas cylinders paid by customers. The movements in these amounts during the year are as follows:

	2009 VND	2008 VND
As at 1 January	66,496,061,333	62,427,651,989
Additions	11,263,360,000	11,321,162,999
Allocated to revenue (*)	(10,127,504,951)	(7,252,753,655)
Termination of deposit contract for gas cylinders	(6,631,613,158)	-
As at 31 December	61,000,303,224	66,496,061,333

(*) Amounts received from deposit of gas cylinders paid by customers have been allocated to revenue in accordance with the letter No.7776/CV-BTC dated 2 June 2009 issued by the Ministry of Finance. Accordingly, revenue gained from that deposit for gas cylinders paid by customers is measured at amount of deposit received multiplied with (x) a cost amortisation rate of gas cylinders consumed. Total deposit received is recognized as revenue for the year 2009 amounts to VND 10,127,504,951 (year 2008: VND 7,252,753,655).

18. LONG-TERM LOANS AND LIABILITIES

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Sacombank - Financial Lease Service Co., Ltd (1) (i)	406,962,753	694,218,750
PetroVietnam Joistock Finance Corporation (PVFC) (ii)	125,000,000,000	150,000,000,000
PVFC - Sai Gon branch (iii)	51,698,488,385	-
	177,105,451,138	150,694,218,750

(i) On 2 January 2007, the Company signed a finance lease contract with Sacombank Finance Lease Service Co., Ltd. The finance lease obligation is repaid on a monthly basis starting on 2 February 2007 to 2 January 2011. The interest rate is applicable to 13-month mobilized interest rate of Sacombank plus 5.04% per annum. The interest rate is subject to adjustment on every six-month basis.

(ii) On 10 April 2008, the Company signed a middle-term credit facility contract No.20/UTDT/PVGASSOUTH-PVFC08 with PetroVietnam Finance Joint Stock Corporation. The facility is an unsecured loan with a term of 5 years starting from 10 April 2008 with interest rate of 8.3% per annum, repayment of the principal and interest on every six-month basis and grace period of 24 months.

(iii) On 24 July 2009, the Company signed a long-term credit facility contract No. 10/2009/HDTD-CNSG-KD with PetroVietnam Finance JS Corporation – Saigon Branch. The facility is an unsecured loan with a term of 7 years starting from the first withdraw day. The total capital pledged for disbursement according to the contract is of VND 80,677 billion. The rate for the first year (as at 31 December 2009) is 10.08% per annum, whereas rates for the next interest periods are determined at PFVC's 12 month private capital commission interest rate (paid in the end of term) plus 2.52% per annum. The loan interest and repayment is paid on 6-month basis with grace period of 24 months. The facility is used for the purpose of constructing a station supplying CNG for Bus System in Ho Chi Minh City.



PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOIN STOCK COMPANY

4th Floor, PetroVietnam Tower, 1- 5 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam

Financial Statements
For the year ended 31 December 2009

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENT (Continued)

FORM B 09-DN

The notes are an integral part of and should be read in conjunction with the financial statements

The repayment schedule of long-term loans is as follows:

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Within one year	29,973,442,913	287,256,000
In the second year	59,673,305,493	25,273,580,332
From the third year to the fifth year inclusive	103,332,557,904	125,420,638,418
After five years	14,099,587,742	-
	207,078,894,051	150,981,474,750
Less: Amount due for settlement (shown under current liabilities)	29,973,442,913	287,256,000
Amount due for settlement after 12 months	177,105,451,138	150,694,218,750

19. SHAREHOLDERS' EQUITY

	Charter capital VND	Investment and development fund VND	Financial reserve fund VND	Retained earnings VND	Total VND
As at 1/1/2008	150,000,000,000	1,061,528,779	530,764,390	8,492,230,231.00	160,084,523,400
Profit for the year	-	-	-	30,091,022,782	30,091,022,782
Profit distributed	-	3,009,102,278	1,504,551,139	(7,522,755,695)	(3,009,102,278.00)
BOM's remuneration	-	-	-	(278,000,000)	(278,000,000.00)
Dividend paid	-	-	-	(23,370,000,000)	(23,370,000,000.00)
As at 31/12/2008	150,000,000,000	4,070,631,057	2,035,315,529	7,412,497,318	163,518,443,904
Profit for the year	-	-	-	39,973,530,512	39,973,530,512
Profit distributed	-	3,997,353,051	1,998,676,526	(9,993,382,628)	(3,997,353,051)
BOM's remuneration	-	-	-	(327,000,000)	(327,000,000)
Dividend paid	-	-	-	(6,750,000,000)	(6,750,000,000)
Funds disbursements	-	-	(173,981,273)	-	(173,981,273)
As at 31/12/2009	150,000,000,000	8,067,984,108	3,860,010,782	30,315,645,202	192,243,640,092

During the year, the Company temporarily has made allocations to investment and development fund, financial reserve fund, bonus and welfare bonus at respective rates of 10%, 5% and 10% out of the profit after tax of the year ended 31 December 2009 in accordance with the Resolution of the shareholders' meeting on 31 March 2009. The Company also declared and paid dividends for the year ended 31 December 2008 on the rate of 14.5%, equivalent to VND 1,450/share (during the year 2008, the Company advanced 10% then during the year 2009, the Company paid the remaining 4.5% amounting to VND 6,750,000,000).

The charter capital contribution is in detail as follows:

Owners	As per Business Registration Certificate		Capital contributed	
	VND	%	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
PetroVietnam gas corporation	118,699,000,000	79.13	118,699,000,000	118,699,000,000
Other individual shareholders	31,301,000,000	20.87	31,301,000,000	31,301,000,000
	150,000,000,000	100	150,000,000,000	150,000,000,000

Number of shares registered and issued to public by the Company on 31 December 2009 was 15,000,000 (31 December 2008:15,000,000 shares). The par value of a share is VND10,000/share.

PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOIN STOCK COMPANY

4th Floor, PetroVietnam Tower, 1- 5 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam

Financial Statements

For the year ended 31 December 2009

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENT (Continued)

FORM B 09-DN

The notes are an integral part of and should be read in conjunction with the financial statements

20. SALES OF MERCHANDISE AND SERVICES

	2009	2008
	VND	VND
Sales of PLG	1,808,342,354,901	1,630,658,785,504
Sales of petroleum, oil and viscosine	65,670,483,101	63,420,928,114
Sales of fertiliser	37,185,676,191	8,574,428,571
Income from deposit for gas cylinders	10,127,504,951	7,252,753,655
Sales of CNG	24,223,405,114	-
Others	33,315,823,431	3,108,340,823
	<u>1,978,865,247,689</u>	<u>1,713,015,236,667</u>

21. FINANCIAL INCOME

	2009	2008
	VND	VND
Financial Income		
Interest	13,162,393,031	36,774,797,031
Dividends and profit distributed	19,909,890,000	24,134,220,000
Others	2,066,893,219	1,200,868,471
	<u>35,139,176,250</u>	<u>62,109,885,502</u>
Financial expenses		
Interest expense	12,615,531,243	12,185,779,855
Provision for diminution in value of investments	801,110,827	2,196,557,599
Foreign exchange difference	2,889,383,352	-
Others	2,190,523,825	2,488,511,659
	<u>18,496,549,247</u>	<u>16,870,849,113</u>
Gains from financing activities	<u>16,642,627,003</u>	<u>45,239,036,389</u>

22. PRODUCTION COST BY NATURE

The following is the main items which were incurred for the year:

	2009	2008
	VND	VND
Purchase of PLG	1,691,393,600,839	1,549,836,686,720
Purchase of petroleum, oil and viscosine	61,557,330,279	57,486,886,400
Employees'salary	32,813,280,342	21,611,262,059
Amortisation expense for gas cylinders	20,943,439,970	10,369,420,487
Rental of warehouses	12,440,097,530	9,981,496,357
Transport expense	7,747,744,373	7,717,310,879
Depreciation and amortisation	12,193,517,262	6,701,665,757

PETROVIETNAM SOUTHERN GAS JOIN STOCK COMPANY

4th Floor, PetroVietnam Tower, 1- 5 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam

Financial Statements

For the year ended 31 December 2009

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENT (Continued)

FORM B 09-DN

The notes are an integral part of and should be read in conjunction with the financial statements

23. CURRENT TAX EXPENSES

	2009	2008
	VND	VND
Net profit before tax	43,391,696,901	32,665,653,030
Adjustments for taxable income:		
+ Non-deductible expenses	5,120,056,789	663,675,000
Missing gas cylinders	3,816,868,945	-
Other non-deductible expenses	1,303,187,844	663,675,000
+ Non-assessable income (dividends)	19,909,890,000	24,134,220,000
Assessable income	28,601,863,690	9,195,108,030
Exempted income (1)	(10,972,609,429)	-
Taxable income	17,629,254,261	9,195,108,030
Normal tax rate	25%	28%
Corporate income tax payable	4,407,313,565	2,574,630,248
Incentive corporate income tax (2)	(1,322,194,070)	-
Additional corporate income tax after finalisation	333,046,894	-
Current tax expenses	<u>3,418,166,389</u>	<u>2,574,630,248</u>

(1) According to the Investment Certification for the CNG gas business activities, the Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 20% annually over operation years, entitled to corporate income tax exemption for two years and a reduction of 50% for the following six years from the first profit making year. During 2009, the Company applied the tax rate of zero percent during the year, as it is the Company's first year to make profit for the CNG gas business activities.

(2) According to Circular No. 03/2009/TT-BTC dated 13 January 2009 issued by Ministry of Finance to provide the guidelines for deduction and extension of corporate income tax, the Company had been entitled to 30% reduction of corporate income tax of year 2009.

24. EARNINGS PER SHARE

The calculation of the basic earnings per share is based on the following data:

	2009	2008
	VND	VND
Earnings for the purposes of basic earnings per share	39,973,530,512	30,091,022,782
Weighted average number of ordinary shares for the purposes of basic earnings per share	15,000,000	15,000,000
Basic earnings per share	2,665	2,006

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENT (Continued)

FORM B 09-DN

The notes are an integral part of and should be read in conjunction with the financial statements

25. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES

During the year, the Company entered some significant transactions with its related parties as follows:

	2009	2008
	VND	VND
Purchases		
PetroVietnam Gas corporation	1,275,969,514,912	935,465,238,134
PetroVietnam Gas cylinder producing Factory	28,740,076,490	9,913,087,056
PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation	20,284,500,000	8,809,523,809
PetroVietnam Oil Corporation	46,182,632,000	45,580,455,571
PetroVietnam Northern Gas JSC	9,018,839,193	-
Dung Quat Refinery Project Management Unit	579,947,113,739	-
BOM's and BOD's remuneration	2,759,461,840	2,451,132,190
Related parties balance		
	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Short-term investment		
Term deposit at PetroVietnam Joistock Finance Corporation	10,196,777,779	-
Receivables		
Vietnam LPG Co., Ltd	5,108,722,158	-
PetroVietnam Northern Gas JSC	-	-
PetroVietnam Construction JS Corporation	-	49,500,000,000
PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation	16,185,584,466	-
PetroVietnam Gas Trading Company	10,907,379,334	-
Phải trả		
PetroVietnam Joistock Finance Corporation		
- Long-term loans	206,398,350,966	150,000,000,000
- Accrued interest payable	2,868,053,570	1,864,362,183
PetroVietnam Oil & Gas Group		
- Profit payable	-	4,007,185,526
- Long-term loans	206,398,350,966	150,000,000,000
PetroVietnam Gas Corporation	244,096,051,889	244,236,255,314
PetroVietnam Gas cylinder producing Factory	11,440,443,616	750,487,556
PetroVietnam Northern Gas JSC	554,250,000	-
PetroVietnam Oil Corporation	3,928,788,001	4,178,880,000
Dung Quat Refinery Project Management Unit	248,791,550,392	-
PetroVietnam Low Pressure Gas Distribution JSC- Vung Tau	9,950,807,120	-
PetroVietnam Construction JS Corporation	9,536,015,935	-
Petroleum Pipe & Tank Construction Co.,Ltd	5,199,917,638	-
PetroVietnam civil and industrial construction Co., Ltd.	168,576,469	1,588,809,186
Cuu Long Petro Gas Service Transportation JSC	10,841,500	-
PetroVietnam Media JSC	251,681,870	-
PetroVietnam Trading and Sea Services Co., Ltd	19,486,770	-
International Gas Shipping JSC	13,760,376,904	-
PetroVietnam Insurance JS Coporation-Vung Tau branch	374,572,070	-

3300
CÔNG T
PH
H DO
HÓA L
N NA
HỒ C

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENT (Continued)

FORM B 09-DN

The notes are an integral part of and should be read in conjunction with the financial statements

26. OPERATING LEASE AND CAPITAL COMMITMENTS

As at 31 December 2009, the Company has an office rental commitment with 3-year duration and the payment schedule as follows:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Within one year	3,429,107,465	2,735,574,913
From the second year to the fifth year inclusive	8,383,762,739	455,929,153
	11,812,870,204	3,191,504,066

According to the Resolution of the annual shareholders' meeting on 20 October 2009, the Company was planning to increase chartered capital from VND 150 billion to VND 215 billion by issuing share to public. This plan is scheduled to carry out in the first quarter of 2010.

Furthermore, according to the Resolution the Board of Management's meeting on 31 December 2009, cost for basis construction investment for the year 2010 is planned by the amount of VND 228.38 billion.

27. COMPARATIVE FIGURES

Certain reclassifications have been made to the prior year's figures to enhance their comparability with the current year's presentation.

28. APPROVAL OF FINANCIAL STATEMENTS ISSUANCE

Financial statements for the year ended 31 December 2009 was approved for issue on 5 March 2010 by the Board of Management

197-C.T.C.P.
H
IG
MINH

Định Hướng Phát Triển 2010

Định hướng chính:

- Công ty tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh LPG dân dụng, từng bước xây dựng và củng cố kênh phân phối ngắn, phát triển thêm các Cửa hàng bán lẻ.
- Phát triển thị trường CNG trong công nghiệp, giao thông vận tải.
- Mở rộng thị trường kinh doanh LPG sang Lào, Campuchia.
- Thành lập mới các công ty thành viên, công ty liên kết.

Kế hoạch năm 2010:

Năm 2010, PVGas South được phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2010
1	LPG	Tấn	150.000
2	CNG	triệu m ³	52,5
3	Xăng dầu	Lít	4.000.000
4	Nhớt	Lít	264.000
5	Doanh thu	Tỷ đồng	2.265
6	Lợi nhuận trước thuế, trong đó: - Lợi nhuận từ hoạt động SXKD. - Lợi nhuận từ các Công ty PVGas South góp vốn mang lại.	Tỷ đồng	65
7	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	215
8	Tỷ suất LNTT/VĐL	%	22
9	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	6,99
10	Kế hoạch lao động	Người	350
11	Bảo hộ lao động (bảo dưỡng, sửa chữa ...)	Tỷ đồng	10
12	Kế hoạch đào tạo	USD	25.000
		Triệu đồng	354



Ảnh: Đội ngũ CNV Chi nhánh Đồng Nai



CNG supply - Contract Signing Ceremony between PVGas South and Pomina Steel JSC.,

Direction For 2010

Main direction:

- The company continues to promote civil LPG business, gradually build and strengthen short distribution channels, develop more retail shops.
- Developing CNG market in industry and transportation.
- Expanding LPG business market to Laos and Cambodia.
- Establishing new subsidiaries, associated companies.

Plan for 2010:

The plan targets of PVGas South approved for 2010 are set below:

SN	TARGETS	UNIT	PLAN FOR 2010
1	LPG	Ton	150.000
2	CNG	Billion m ³	52,5
3	Petroleum	Liter	4.000.000
4	Lubricant	Liter	264.000
5	Revenue	Billion dong	2.265
6	Before - tax profit, including: - Profit from production and business activities. - Profit from the companies which PVGas South contributes capital.	Billion dong	65
7	Legal capital	Billion dong	215
8	Before - tax profit / Legal capital Rate	%	22
9	Payment to the state budget	Billion dong	6,99
10	Plan of laborers	People	350
11	Working protection (maintenance, repair, etc.)	Billion dong	10
12	Training plan	USD	25.000
		Billion dong	354

CNG – Sản phẩm mới của PVGas South

CNG (Khí thiên nhiên nén - Compressed Natural Gas) là một hỗn hợp khí có nguồn gốc từ dầu mỏ, bao gồm phần lớn là hydrocarbon CH_4 (metan); C_2H_6 (etan) được nén từ áp suất 200 – 250 bar tại nhiệt độ môi trường. Trong những năm gần đây khí thiên nhiên nén CNG được sử dụng thay thế cho xăng và dầu DO trong giao thông vận tải nhờ những ưu điểm vượt trội về giảm thiểu ô nhiễm, sạch sẽ văn minh đặc biệt tại các khu đô thị lớn.

Do khí CNG có các tính chất hóa lý như dễ phát tán, không tích tụ như hơi xăng do đó hạn chế

Khí giao cho PVGas South nhiệm vụ triển khai kế hoạch ứng dụng khí nén thiên nhiên vào hệ thống ô tô buýt thay thế cho dầu DO. Năm 2009 PVGas South đã triển khai đầu tư trạm nén khí CNG (trạm mẹ) với công suất 50 triệu m^3 /năm tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân A - Bà Rịa Vũng Tàu đã cung cấp khí cho các khách hàng công nghiệp xa đường ống dẫn khí như Công ty Cổ phần Gạch men Ý Mỹ, Công ty TNHH Gốm Sứ Giang Tây, Công ty Gạch men Hoàng Gia, Công ty cổ phần thép POMINA và Công ty TNHH Xây dựng Vật liệu Saint - Gobain; trạm CNG con tại số 2 đường Phố



Ảnh: Xe chở CNG



Ảnh: Xe ô tô 7 chỗ chạy bằng nhiên liệu CNG

nguy cơ cháy nổ nếu bị rò rỉ ra môi trường không khí. Giá CNG hiện nay thấp hơn giá LPG (khí dầu mỏ hóa lỏng) và chỉ bằng khoảng 70% giá thành của LPG. Đây chắc chắn là nhiên liệu rẻ, sạch, phù hợp với dịch vụ tại các thành phố lớn và các khu công nghiệp, đặc biệt trong tình hình giá xăng dầu liên tục tăng cao trong những năm gần đây. Các chuyên gia đều đánh giá tiềm năng phát triển của thị trường CNG là rất lớn, hứa hẹn mang lại lợi nhuận cho các đơn vị kinh doanh cũng như đóng góp những giá trị lớn cho xã hội là giảm thiểu sự gây ô nhiễm môi trường.

Thực hiện thỏa thuận hợp tác toàn diện giữa Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và UBND TP. HCM, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty

Quang, phường 2, Tân Bình, TP.HCM, với trạm chiết nạp này, PVGas South dự kiến sẽ đáp ứng nhu cầu cung cấp CNG cho xe buýt hoạt động tại TP.HCM và khu vực Đông Nam bộ.

Có thể nói rằng, việc xây dựng hệ thống trạm nạp CNG nhằm cung cấp một loại nhiên liệu mới cho thị trường là một quyết định có tính chiến lược của PVGas South, cả về mặt kinh tế và xã hội. Không chỉ góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường PVGas South còn góp phần tạo dựng một đột phá mới trên thị trường Gas Việt Nam.

PVGas South cam kết sẽ tiếp tục đầu tư các trạm CNG đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

CNG – New product of PVGas South

CNG (Compressed Natural Gas) is a mixture of gases derived from petroleum, including most of the hydrocarbons are compressed from the pressure of 200-250 bar at ambient temperature. In recent years, CNG Compressed natural gas is used instead of petrol and diesel oil in the transportation thanks to the advantages of reducing pollution, being clean and civilized especially in large urban areas.

CNG has chemical and physical properties as easy emission, no accumulation of gasoline vapor thus limiting the risk of explosion if leaked into the environment air. CNG price is lower than the current price of LPG (liquefied petroleum gas) and only about 70% the price of LPG. It is certainly cheap fuel, clean, suitable for service in major cities and industrial zones, especially in the situation of fuel prices continuing to rise in recent years. Experts are evaluating the potential development of CNG market is huge, promises to bring benefits to the business unit as well as contributing the great valuable to society that is to minimize the environmental pollution.

Implementing comprehensive cooperation agreement between Petrovietnam and Hochiminh city People's Committee, Petrovietnam and PVGas South tasks of carrying out compressed natural gas applications plan in the buses system replace diesel oil. In year 2009 PVGas South has invested CNG compressor stations (mother stations) with a capacity of 50 million m^3 /year in My Xuan A Industrial zone - Ba Ria Vung Tau province has provided gas for industrial customers away from the gas pipeline as Y My Ceramic tiles Corporation, Giang Tay Ceramic Company Ltd., Hoang Gia Ceramic Company, Pomina Steel JSC. and Sain - Gobain material construction Company Ltd; CNG sub-station in the No. 2 Pho Quang Street, Ward 2, Tan Binh District, HCM City, with this station, PVGas South plans to meet the demand of supplying CNG to buses operating in Hochiminh City and South East area.

It can be said that the construction of CNG loading station system is to provide a new fuel for market, which is a strategic decision of PVGas South, both economically and socially. Not only contribute to reduce environmental pollution PVGas South also contribute to create a new breakthrough in the gas market in Vietnam.



CNG bus

Các hoạt động xã hội



Events

Công Ty Thành Viên-CNG Việt Nam

Công ty cổ phần CNG Việt Nam (CNG Vietnam) được thành lập vào ngày 28/05/2007, do các cổ đông là Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (PVGas South) chiếm 34% vốn điều lệ, Tổng Công ty cổ phần dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu Khí (DMC) chiếm 27% vốn điều lệ, Công ty cổ phần phân phối Khí thấp áp (PVGas D) chiếm 5% vốn điều lệ và một số các công ty khác như Habu Bank (Việt Nam), IEV Energy (Malaysia) góp vốn thành lập. CNG Vietnam chuyên sản xuất, vận chuyển, phân phối khí nén thiên nhiên (Compressed Natural Gas - CNG) để phục vụ cho

các nhà máy, các khu công nghiệp, đô thị. Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG Vietnam đặt tại KCN Phú Mỹ I, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với công suất thiết kế 30 triệu m³/năm đã đưa vào vận hành từ 03/09/2008. Năm 2010 Nhà máy CNG sẽ mở rộng nâng công suất lên 50 triệu m³/năm.

CNG Vietnam là khởi nguồn tiên phong trong việc phổ biến sản phẩm CNG tại Việt Nam, là giải pháp công nghệ tiên tiến "ĐEM NGUỒN NĂNG LƯỢNG SẠCH TỚI MỌI NƠI" sẽ giúp các doanh nghiệp giảm chi phí nhiên liệu, góp phần bảo vệ môi trường.

Member Company - CNG Vietnam

CNG Vietnam JSC. was established on 28.05.2007, by the shareholders as Petrovietnam Southern Gas JSC., Drilling Mud Corporation, Petrovietnam Low Pressure Gas Distribution Joint Stock Company and some other companies like Habu Bank (Vietnam), IEV Energy (Malaysia) contributed capital to establish. CNG Vietnam specializes in producing, transporting, distributing compressed natural gas (Compressed Natural Gas - CNG) cater to the factories, industrial zones, urban areas.

The first CNG factory of CNG Vietnam is located in

Phu My I Industrial Zone, Ba Ria - Vung Tau with a designed capacity of 30 million m³/year. In year 2010 CNG factory will expand its capacity to 50 million m³/year.

CNG Vietnam is a pioneer in the popularization of CNG products in Vietnam, an advanced technology solutions "BRINGING CLEAN ENERGY RESOURCES TO EVERYWHERE", will help businesses reduce fuel costs, contribute to protect environment.



Dong Nai Branch in night

Branches

Sai Gon Branch:

45-47 Nguyen Kiem Street, Go Vap District, HCMC.
Tel: (84) 8 39855 546 - Fax: (84) 8 38941 550

Dong Nai Branch:

Go Dau A Port, Phuoc Thai Commune, Long Thanh District, Dong Nai Province.
Tel: (84) 061 - 3543 949 - Fax: (84) 061 - 3543 948

Vung Tau Branch:

449 Nguyen An Ninh Street, Ward 9, Vung Tau City.
Tel: (84) 064 - 3597 225 - Fax: (84) 064 - 3591 386

Tay Ninh Branch:

Ap Chanh, An Thanh Commune, Ben Cau District, Tay Ninh Province.
Tel: (84) 066 - 3762 903 - Fax: (84) 066 - 3762 903

Can Tho Branch:

Block II. 5-II.6, Tra Noc Industry Zone II, Phuoc Thoi Ward, O Mon District, Can Tho City.
Tel: (84) 0710 - 3843 064 - Fax: (84) 0710 - 3843 063

Tien Giang Branch:

Tan My Chanh Industry Zone, Ward 9, My Tho City, Tien Giang Province.
Tel: (84) 073 - 3958 455 - Fax: (84) 073 - 3958 445

Vinh Long Branch:

138C Dinh Tien Hoang Street, Ward 8, Vinh Long Town, Vinh Long Province.
Tel: (84) 070 - 3877 276 - Fax: (84) 070 - 3877 276

Nha Trang Branch:

157 Group 2, Xom Nui District, Vinh Phuong Commune, Nha Trang City.
Tel: (84) 058 - 3725 112 - Fax: (84) 058 - 3725 113



Nhà máy CNG Việt Nam công suất 50 triệu m³ khí/năm
CNG Vietnam's factory with capacity of 50 million m³/year